



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: CD05CE

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07243	Máy nâng chuyển	001	29	09/06/08	RD401	12g15	90	
2	07242	Máy gia công cơ học NSTP	001	29	11/06/08	HD204	12g15	90	
3	07249	Thực tập sản xuất	001	29	13/06/08	TV303	09g30	90	
4	07257	CN&TB chế biến TAGS	001	29	16/06/08	RD305	14g45	90	
5	07258	Máy & thiết bị phân ly	001	29	18/06/08	RD102	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: CD05CS

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	06312	Kỹ thuật nuôi cá biển	001	32	09/06/08	RD303	12g15	90	
2	06221	Bệnh tôm-NT	001	32	11/06/08	RD303	12g15	90	
3	06305	KT nuôi nhuyễn thể	001	32	13/06/08	RD106	07g00	90	
4	06308	QL và BV nguồn lợi TS	001	32	16/06/08	RD101	12g15	90	
5	06405	Chế biến TS đại cương	001	32	18/06/08	PV335	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: CD05TH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	14407	Cơ sở dữ liệu nâng cao	001	21	09/06/08	RD104	12g15	90	
2	14407	Cơ sở dữ liệu nâng cao	002	21	09/06/08	RD105	12g15	90	
3	14413	Chuyên đề hệ thống thông tin-m	001	21	11/06/08	RD104	12g15	90	
4	14413	Chuyên đề hệ thống thông tin-m	002	21	11/06/08	RD105	12g15	90	
5	14504	Hệ thống thông tin địa lý	001	42	13/06/08	RD200	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: CD06CQ

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	09403	Thanh tra địa chính	001	28	09/06/08	TV102	07g00	90	
2	09403	Thanh tra địa chính	002	28	09/06/08		07g00	90	
3	09403	Thanh tra địa chính	003	65	09/06/08	TV101	07g00	90	
4	09705	Đánh giá đất đai	001	29	10/06/08	TV101	09g30	90	
5	09705	Đánh giá đất đai	002	26	10/06/08		09g30	90	
6	09705	Đánh giá đất đai	003	66	10/06/08	TV102	09g30	90	
7	09302	Bản đồ địa chính	001	34	11/06/08	TV101	14g45	90	
8	09302	Bản đồ địa chính	002	27	11/06/08		14g45	90	
9	09302	Bản đồ địa chính	003	27	11/06/08	TV102	14g45	90	
10	09302	Bản đồ địa chính	004	33	11/06/08		14g45	90	
11	09901	Rèn nghề I	001	35	12/06/08	RD106	07g00	90	
12	09901	Rèn nghề I	002	86	12/06/08	RD200	07g00	90	
13	09308	Tin học ứng dụng	001	31	13/06/08	HD201	07g00	90	
14	09308	Tin học ứng dụng	002	31	13/06/08	HD202	07g00	90	
15	09308	Tin học ứng dụng	003	31	13/06/08	HD203	07g00	90	
16	09308	Tin học ứng dụng	004	28	13/06/08	HD204	07g00	90	
17	09304	Hệ thống thông tin địa lý	001	27	16/06/08	RD103	07g00	90	
18	09304	Hệ thống thông tin địa lý	002	27	16/06/08		07g00	90	
19	09304	Hệ thống thông tin địa lý	003	34	16/06/08	RD104	07g00	90	
20	09304	Hệ thống thông tin địa lý	004	33	16/06/08		07g00	90	
21	09404	QL hành chánh về đất đai	001	56	18/06/08	RD103	07g00	90	
22	09404	QL hành chánh về đất đai	002	65	18/06/08	RD104	07g00	90	
23	09406	Đăng ký thống kê	001	61	20/06/08	RD103	07g00	90	
24	09406	Đăng ký thống kê	002	60	20/06/08	RD104	07g00	90	
25	09702	Khoa học đất ứng dụng	001	30	23/06/08	PV225	07g00	90	
26	09702	Khoa học đất ứng dụng	002	63	23/06/08	PV323	07g00	90	
27	09702	Khoa học đất ứng dụng	003	28	23/06/08	PV227	07g00	90	
28	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	61	25/06/08	TV301	07g00	90	
29	00104	Lịch sử Đảng CSVN	002	60	25/06/08	TV302	07g00	90	
30	09202	Trắc địa đại cương 2	001	56	27/06/08	RD200	07g00	90	
31	09202	Trắc địa đại cương 2	002	32	27/06/08	RD106	07g00	90	
32	09202	Trắc địa đại cương 2	003	33	27/06/08	RD204	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: CD06CS

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	23	10/06/08	RD101	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	22	10/06/08	RD102	07g00	90	
3	06115	Thủy sản đại cương M	001	20	12/06/08	RD102	07g00	90	
4	06115	Thủy sản đại cương M	002	25	12/06/08	RD103	07g00	90	
5	06134	Ngư loại học I	001	45	14/06/08	TV103	07g00	90	
6	06101	Chất lượng nước cho NTTS	001	23	16/06/08	HD201	09g30	90	
7	06101	Chất lượng nước cho NTTS	002	22	16/06/08	HD202	09g30	90	
8	06102	Di truyền đại cương	001	20	18/06/08	RD402	09g30	90	
9	06102	Di truyền đại cương	002	25	18/06/08	RD403	09g30	90	
10	06112	Thủy sinh thực vật M	001	20	20/06/08	RD302	07g00	90	
11	06112	Thủy sinh thực vật M	002	25	20/06/08	RD303	07g00	90	
12	06106	Sinh lý cá và giáp xác	001	45	23/06/08	PV217	09g30	90	
13	06113	Phiêu sinh ĐV & ĐV đáy	001	23	25/06/08	RD301	12g15	90	
14	06113	Phiêu sinh ĐV & ĐV đáy	002	22	25/06/08	RD302	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: CD06TH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	29	10/06/08	RD103	07g00	90	
2	14204	Hệ điều hành 2	001	29	12/06/08	RD503	07g00	90	
3	14206	Lập trình mạng 1	001	29	14/06/08	HD305	09g30	90	
4	14215	Lập trình web	001	29	16/06/08	RD401	14g45	90	
5	14304	Cấu trúc dữ liệu 1	001	27	18/06/08	RD104	14g45	90	
6	14303	Lập trình B	001	25	20/06/08	RD303	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: CD07CQ

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02401	Môi trường và con người	001	27	08/06/08	PV319	07g00	90	
2	02401	Môi trường và con người	002	54	08/06/08	PV323	07g00	90	
3	02401	Môi trường và con người	003	68	08/06/08	PV327	07g00	90	
4	00102	Kinh tế chính trị	001	41	10/06/08	PV217	12g15	90	
5	00102	Kinh tế chính trị	002	27	10/06/08	PV219	12g15	90	
6	00102	Kinh tế chính trị	003	36	10/06/08	PV223	12g15	90	
7	00102	Kinh tế chính trị	004	45	10/06/08	PV225	12g15	90	
8	08109	Kinh tế vi mô 1	001	57	12/06/08	C200	07g00	90	
9	08109	Kinh tế vi mô 1	002	31	12/06/08	HD201	07g00	90	
10	08109	Kinh tế vi mô 1	003	31	12/06/08	HD202	07g00	90	
11	08109	Kinh tế vi mô 1	004	30	12/06/08	HD203	07g00	90	
12	02622	Pháp luật đại cương	001	41	16/06/08	PV217	09g30	90	
13	02622	Pháp luật đại cương	002	27	16/06/08	PV219	09g30	90	
14	02622	Pháp luật đại cương	003	36	16/06/08	PV223	09g30	90	
15	02622	Pháp luật đại cương	004	45	16/06/08	PV225	09g30	90	
16	02117	Xác suất thống kê A	001	63	21/06/08	TV102	07g00	90	
17	02117	Xác suất thống kê A	002	86	21/06/08	TV103	07g00	90	
18	02115	Toán cao cấp C2	001	31	25/06/08	RD102	07g00	90	
19	02115	Toán cao cấp C2	002	39	25/06/08	RD103	07g00	90	
20	02115	Toán cao cấp C2	003	39	25/06/08	RD104	07g00	90	
21	02115	Toán cao cấp C2	004	40	25/06/08	RD105	07g00	90	
22	13610	Anh văn 2K	001	58	29/06/08	C200	07g00	90	
23	13610	Anh văn 2K	002	31	29/06/08	HD202	07g00	90	
24	13610	Anh văn 2K	003	31	29/06/08	HD203	07g00	90	
25	13610	Anh văn 2K	004	29	29/06/08	HD204	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: CD07CS

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02403	Sinh đại cương A2	001	44	08/06/08	PV333	09g30	90	
2	02403	Sinh đại cương A2	002	44	08/06/08	PV335	09g30	90	
3	02403	Sinh đại cương A2	003	48	08/06/08	PV337	09g30	90	
4	02206	Vật lý đại cương B2	001	37	10/06/08	PV217	07g00	90	
5	02206	Vật lý đại cương B2	002	25	10/06/08	PV219	07g00	90	
6	02206	Vật lý đại cương B2	003	33	10/06/08	PV223	07g00	90	
7	02206	Vật lý đại cương B2	004	41	10/06/08	PV225	07g00	90	
8	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	68	14/06/08	TV101	09g30	90	
9	00109	Triết học Mác Lê Nin	002	68	14/06/08	TV102	09g30	90	
10	02113	Toán cao cấp B2	001	30	27/06/08	RD101	09g30	90	
11	02113	Toán cao cấp B2	002	30	27/06/08	RD102	09g30	90	
12	02113	Toán cao cấp B2	003	38	27/06/08	RD103	09g30	90	
13	02113	Toán cao cấp B2	004	38	27/06/08	RD104	09g30	90	
14	13610	Anh văn 2K	001	68	29/06/08	HD301	07g00	90	
15	13610	Anh văn 2K	002	68	29/06/08	HD303	07g00	90	
16	02303	Hóa đại cương B2	001	30	01/07/08	RD101	07g00	90	
17	02303	Hóa đại cương B2	002	30	01/07/08	RD102	07g00	90	
18	02303	Hóa đại cương B2	003	38	01/07/08	RD103	07g00	90	
19	02303	Hóa đại cương B2	004	38	01/07/08	RD104	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: CD07KE

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00111	Kinh tế chính trị 1	001	64	10/06/08	TV102	14g45	90	
2	00111	Kinh tế chính trị 1	002	88	10/06/08	TV103	14g45	90	
3	08109	Kinh tế vi mô 1	001	27	12/06/08	HD205	07g00	90	
4	08109	Kinh tế vi mô 1	002	62	12/06/08	HD301	07g00	90	
5	08109	Kinh tế vi mô 1	003	63	12/06/08	HD303	07g00	90	
6	02117	Xác suất thống kê A	001	55	21/06/08	TV101	07g00	90	
7	02117	Xác suất thống kê A	002	97	21/06/08	TV201	07g00	90	
8	02115	Toán cao cấp C2	001	28	25/06/08	RD101	07g00	90	
9	02115	Toán cao cấp C2	002	35	25/06/08	RD106	07g00	90	
10	02115	Toán cao cấp C2	003	89	25/06/08	RD200	07g00	90	
11	13610	Anh văn 2K	001	41	29/06/08	PV217	07g00	90	
12	13610	Anh văn 2K	002	28	29/06/08	PV219	07g00	90	
13	13610	Anh văn 2K	003	37	29/06/08	PV223	07g00	90	
14	13610	Anh văn 2K	004	46	29/06/08	PV225	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 tháng
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: CD07TH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	14212	Toán rời rạc	001	61	08/06/08	HD301	12g15	90	
2	14212	Toán rời rạc	002	61	08/06/08	HD303	12g15	90	
3	00102	Kinh tế chính trị	001	29	10/06/08	PV315	12g15	90	
4	00102	Kinh tế chính trị	002	26	10/06/08	PV319	12g15	90	
5	00102	Kinh tế chính trị	003	66	10/06/08	PV327	12g15	90	
6	14301	Lập trình A1	001	24	12/06/08	PV319	07g00	90	
7	14301	Lập trình A1	002	61	12/06/08	PV327	07g00	90	
8	14301	Lập trình A1	003	37	12/06/08	PV333	07g00	90	
9	02119	Toán cao cấp A2-CD	001	65	25/06/08	TV301	12g15	90	
10	02119	Toán cao cấp A2-CD	002	57	25/06/08	TV302	12g15	90	
11	13610	Anh văn 2K	001	32	29/06/08	HD305	07g00	90	
12	13610	Anh văn 2K	002	32	29/06/08	PV227	07g00	90	
13	13610	Anh văn 2K	003	30	29/06/08	PV315	07g00	90	
14	13610	Anh văn 2K	004	28	29/06/08	PV319	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04CC

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07241	Bảo dưỡng KT máy & TBị CBNS	001	37	09/06/08	RD204	12g15	90	
2	07247	ĐA thiết kế nhà máy CBNSTP	001	37	11/06/08	RD504	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04CK

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07308	Sử dụng máy	001	51	09/06/08	TV302	12g15	90	
2	07316	Bảo dưỡng kỹ thuật II	001	26	11/06/08	PV333	12g15	90	
3	07316	Bảo dưỡng kỹ thuật II	002	25	11/06/08	PV335	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04DTH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	14260	Chuyên đề WEB	001	28	09/06/08	RD404	09g30	90	
2	14260	Chuyên đề WEB	002	23	09/06/08	RD501	09g30	90	
3	14362	Chuyên đề Java	001	26	11/06/08	RD403	09g30	90	
4	14362	Chuyên đề Java	002	25	11/06/08	RD404	09g30	90	
5	14450	Chuyên đề hệ thống tin	001	26	13/06/08	RD301	09g30	90	
6	14450	Chuyên đề hệ thống tin	002	25	13/06/08	RD302	09g30	90	
7	14452	Đồ án chuyên ngành	001	20	16/06/08	PV319	14g45	90	
8	14452	Đồ án chuyên ngành	002	31	16/06/08	PV333	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04DTM

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	14260	Chuyên đề WEB	001	29	09/06/08	RD502	09g30	90	
2	14260	Chuyên đề WEB	002	37	09/06/08	RD503	09g30	90	
3	14362	Chuyên đề Java	001	29	11/06/08	RD502	09g30	90	
4	14362	Chuyên đề Java	002	37	11/06/08	RD503	09g30	90	
5	14249	Quản trị mạng	001	66	13/06/08	TV302	09g30	90	
6	14254	Bảo mật mạng & hệ thống	001	66	16/06/08	HD301	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04DY

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	03408	X Quang	001	53	11/06/08	TV102	12g15	90	
2	03518	Bệnh TN chung & gia cầm	001	27	17/06/08	RD103	12g15	90	
3	03518	Bệnh TN chung & gia cầm	002	26	17/06/08	RD104	12g15	90	
4	03305	Luật thú y	001	27	21/06/08	RD105	12g15	90	
5	03305	Luật thú y	002	26	21/06/08	RD106	12g15	90	
6	03402	Bệnh nội khoa	001	32	27/06/08	HD202	12g15	90	
7	03402	Bệnh nội khoa	002	21	27/06/08	HD203	12g15	90	
8	03519	Bệnh truyền nhiễm heo	001	27	14/07/08	PV219	12g15	90	
9	03519	Bệnh truyền nhiễm heo	002	26	14/07/08	PV217	12g15	90	
10	03521	Bệnh TN chó mèo	001	29	22/07/08	PV223	12g15	90	
11	03521	Bệnh TN chó mèo	002	24	22/07/08	PV227	12g15	90	
12	03520	Bệnh truyền nhiễm trâu bò	001	29	26/07/08	PV223	12g15	90	
13	03520	Bệnh truyền nhiễm trâu bò	002	24	26/07/08	PV227	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04GB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	05716	Công nghệ thu hồi kiềm Sulphat	001	30	14/06/08	RD103	09g30		
2	05716	Công nghệ thu hồi kiềm Sulphat	002	30	14/06/08	RD104	09g30		
3	05721	Máy & TB SX giấy, bột giấy	001	30	16/06/08	HD205	14g45	90	
4	05721	Máy & TB SX giấy, bột giấy	002	30	16/06/08	HD305	14g45	90	
5	05723	Kiểm tra sản xuất	001	60	18/06/08	C200	14g45	90	
6	08404	Quản trị kinh doanh	001	30	20/06/08	HD205	12g15	90	
7	08404	Quản trị kinh doanh	002	30	20/06/08	HD305	12g15	90	
8	05718	Công nghệ Sx giấy 2	001	60	23/06/08	TV101	14g45	90	
9	05719	Tính chất giấy	001	31	25/06/08	PV315	14g45	90	
10	05719	Tính chất giấy	002	29	25/06/08	PV319	14g45	90	
11	05720	Phụ gia giấy	001	30	27/06/08	RD105	14g45	90	
12	05720	Phụ gia giấy	002	30	27/06/08	RD106	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04HH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	17213	Máy & TB trong CN hóa chất	001	68	09/06/08	C200	12g15	90	
2	17218	Dược chất thiên nhiên	001	30	11/06/08	RD501	09g30	90	
3	17218	Dược chất thiên nhiên	002	38	11/06/08	RD504	09g30	90	
4	17219	Bao bì đóng gói	001	68	13/06/08	TV101	12g15	90	
5	17404	PTdư lượng & độc tố trong SPNN	001	68	16/06/08	C200	14g45	90	
6	17407	Sơ chế cao su & CN polymer	001	34	18/06/08	RD403	12g15	90	
7	17407	Sơ chế cao su & CN polymer	002	34	18/06/08	RD404	12g15	90	
8	17507	Công nghệ dược	001	34	27/06/08	RD303	12g15	90	
9	17507	Công nghệ dược	002	34	27/06/08	RD304	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04KE

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08135	Luật tài chính -kế toán	001	31	10/06/08	HD305	14g45	90	
2	08135	Luật tài chính -kế toán	002	72	10/06/08	HD303	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04NL

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07152	Thực tập gia công 3	001	26	09/06/08	HD305	12g15	90	
2	07152	Thực tập gia công 3	002	24	09/06/08	RD101	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04PT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08112	Luật và Phát triển nông thôn	001	64	10/06/08	PV323	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04QT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08415	Quản trị trang trại P	001	44	10/06/08	RD103	12g15	90	
2	08415	Quản trị trang trại P	002	39	10/06/08	RD105	12g15	90	
3	08415	Quản trị trang trại P	003	49	10/06/08	RD104	12g15	90	
4	08435	Đàm phán thương lượng	001	33	12/06/08	RD103	14g45	90	
5	08435	Đàm phán thương lượng	002	33	12/06/08	RD104	14g45	90	
6	08435	Đàm phán thương lượng	003	33	12/06/08	RD105	14g45	90	
7	08435	Đàm phán thương lượng	004	33	12/06/08	RD106	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04SP

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	15217	Hoa và cây kiểng	001	18	30/05/08	HD202	12g15	90	
2	15217	Hoa và cây kiểng	002	23	30/05/08	HD203	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH04TY

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	03408	X Quang	001	93	11/06/08	TV103	12g15	90	
2	03518	Bệnh TN chung & gia cầm	001	31	17/06/08	RD105	12g15	90	
3	03518	Bệnh TN chung & gia cầm	002	31	17/06/08	RD106	12g15	90	
4	03518	Bệnh TN chung & gia cầm	003	31	17/06/08	RD203	12g15	90	
5	03305	Luật thú y	001	93	21/06/08	TV303	12g15	90	
6	03711	Chăn nuôi gia cầm M	001	36	23/06/08	RD403	12g15	90	
7	03711	Chăn nuôi gia cầm M	002	29	23/06/08	RD404	12g15	90	
8	03711	Chăn nuôi gia cầm M	003	28	23/06/08	RD503	12g15	90	
9	03714	Chăn nuôi thú nhai lại M	001	93	26/06/08	TV303	12g15	90	
10	03509	Nuôi ong	001	36	28/06/08	HD301	12g15	90	
11	03509	Nuôi ong	002	57	28/06/08	HD303	12g15	90	
12	03519	Bệnh truyền nhiễm heo	001	31	14/07/08	PV315	12g15	90	
13	03519	Bệnh truyền nhiễm heo	002	31	14/07/08	PV319	12g15	90	
14	03519	Bệnh truyền nhiễm heo	003	31	14/07/08	PV335	12g15	90	
15	03712	Chăn nuôi heo M	001	93	17/07/08	PV400	12g15	90	
16	03521	Bệnh TN chó mèo	001	93	22/07/08	PV400	12g15	90	
17	03520	Bệnh truyền nhiễm trâu bò	001	93	26/07/08	PV400	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05BQ

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	107	09/06/08	TV201	07g00	90	
2	10314	Tính chất công nghệ VL TP	001	30	12/06/08	RD105	07g00	90	
3	10314	Tính chất công nghệ VL TP	002	39	12/06/08	RD202	07g00	90	
4	10314	Tính chất công nghệ VL TP	003	39	12/06/08	RD203	07g00	90	
5	10309	BQ và CB trà,cafe,cacao	001	42	14/06/08	PV217	09g30	90	
6	10309	BQ và CB trà,cafe,cacao	002	28	14/06/08	PV219	09g30	90	
7	10309	BQ và CB trà,cafe,cacao	003	38	14/06/08	PV223	09g30	90	
8	10202	CNSX Thức uống lên men	001	54	16/06/08	RD203	09g30	90	
9	10202	CNSX Thức uống lên men	002	54	16/06/08	RD204	09g30	90	
10	10109	Kiểm tra CLTP & HACCP	001	31	18/06/08	RD102	09g30	90	
11	10109	Kiểm tra CLTP & HACCP	002	39	18/06/08	RD103	09g30	90	
12	10109	Kiểm tra CLTP & HACCP	003	38	18/06/08	RD104	09g30	90	
13	10308	BQ và chế biến thịt	001	108	20/06/08	TV201	07g00	90	
14	10110	Đánh giá cảm quan TP	001	108	23/06/08	TV201	07g00	90	
15	10404	Máy,thiết bị trong CNTP	001	36	25/06/08	HD201	07g00	90	
16	10404	Máy,thiết bị trong CNTP	002	36	25/06/08	HD202	07g00	90	
17	10404	Máy,thiết bị trong CNTP	003	36	25/06/08	HD203	07g00	90	
18	10403	KT ổn định TP & KT đồ hộp	001	108	27/06/08	TV201	09g30	90	
19	10301	Bao bì thực phẩm	001	82	30/06/08	RD200	09g30	90	
20	10301	Bao bì thực phẩm	002	26	30/06/08	RD202	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05BV

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	04608	PPNC cây trồng I M	001	28	09/06/08	RD203	09g30	90	
2	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	28	11/06/08	PV219	07g00	90	
3	04801	Khuyến nông M	001	28	13/06/08	RD303	07g00	90	
4	04718	Côn trùng chuyên khoa	001	28	20/06/08	RD302	12g15	90	
5	04719	Động vật học nông nghiệp	001	28	23/06/08	RD301	12g15	90	
6	04720	Dịch tể học BVTV	001	28	25/06/08	TV103	12g15	90	
7	04717	Bệnh cây chuyên khoa	001	28	27/06/08	RD103	14g45	90	
8	04505	Cây công nghiệp A	001	28	30/06/08	RD402	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05CB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	05526	Công nghệ xẻ	001	34	16/06/08	RD303	14g45	90	
2	05610	Bảo quản gỗ	001	34	18/06/08	RD504	09g30	90	
3	05611	Sấy gỗ	001	34	20/06/08	RD203	12g15	90	
4	05612	Sử dụng máy chế biến	001	17	23/06/08	RD201	12g15	90	
5	05612	Sử dụng máy chế biến	002	17	23/06/08	RD202	12g15	90	
6	05616	Bảo vệ môi trường công nghiệp	001	34	25/06/08	RD504	12g15	90	
7	05308	Thống kê lâm nghiệp (M)	001	34	28/06/08	RD204	14g45	90	
8	05513	Hóa lâm sản (M)	001	34	30/06/08	RD504	12g15	90	
9	05107	Lâm luật và CSLN	001	34	02/07/08	HD201	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05CC

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07254	Ngoại ngữ chuyên ngành	001	26	09/06/08	PV219	07g00	90	
2	07254	Ngoại ngữ chuyên ngành	002	20	09/06/08	PV227	07g00	90	
3	07120	Thực tập gia công II	001	46	09/06/08	PV323	09g30	90	
4	07104	Chi tiết máy I	001	23	11/06/08	RD203	09g30	90	
5	07104	Chi tiết máy I	002	23	11/06/08	RD204	09g30	90	
6	07144	Vật liệu phi kim loại	001	23	13/06/08	HD201	09g30	90	
7	07144	Vật liệu phi kim loại	002	23	13/06/08	HD202	09g30	90	
8	07234	PPBTTN & xử lí số liệu	001	20	16/06/08	HD305	12g15	90	
9	07234	PPBTTN & xử lí số liệu	002	26	16/06/08	PV217	12g15	90	
10	07105	Công nghệ chế tạo	001	23	18/06/08	RD101	12g15	90	
11	07105	Công nghệ chế tạo	002	23	18/06/08	RD102	12g15	90	
12	07140	Cơ điện tử	001	23	20/06/08	HD205	09g30	90	
13	07140	Cơ điện tử	002	23	20/06/08	HD305	09g30	90	
14	07224	Thiết bị lạnh	001	46	23/06/08	PV337	12g15	90	
15	07240	Thiết bị trao đổi nhiệt	001	23	25/06/08	RD105	12g15	90	
16	07240	Thiết bị trao đổi nhiệt	002	23	25/06/08	RD106	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05CH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	16305	Quy hoạch & thiết kế cảnh quan	001	48	18/06/08	HD301	07g00	90	
2	16306	Thiết bị & công cụ làm vườn	001	48	20/06/08	PV337	12g15	90	
3	16404	Bảo tồn đa dạng sinh học	001	48	23/06/08	PV323	12g15	90	
4	16405	Hệ thống tưới tiêu	001	24	25/06/08	RD103	12g15	90	
5	16405	Hệ thống tưới tiêu	002	24	25/06/08	RD104	12g15	90	
6	16410	Quản lý động vật hoang dã	001	27	27/06/08	HD201	07g00	90	
7	16410	Quản lý động vật hoang dã	002	21	27/06/08	HD305	07g00	90	
8	16302	Trắc địa và bản đồ	001	22	30/06/08	PV219	14g45	90	
9	16302	Trắc địa và bản đồ	002	26	30/06/08	PV227	14g45	90	
10	16106	Lâm nghiệp đô thị	001	25	02/07/08	RD201	09g30	90	
11	16106	Lâm nghiệp đô thị	002	23	02/07/08	RD202	09g30	90	
12	16203	Kỹ thuật làm vườn	001	21	05/07/08	HD204	14g45	90	
13	16203	Kỹ thuật làm vườn	002	27	05/07/08	HD205	14g45	90	
14	16204	Rèn nghề 2	001	21	07/07/08	HD204	09g30	90	
15	16204	Rèn nghề 2	002	27	07/07/08	HD205	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05CK

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07120	Thực tập gia công II	001	18	09/06/08	PV319	09g30	90	
2	07120	Thực tập gia công II	002	28	09/06/08	PV335	09g30	90	
3	07307	Ô tô máy kéo I	001	23	09/06/08	HD201	12g15	90	
4	07307	Ô tô máy kéo I	002	23	09/06/08	HD202	12g15	90	
5	07103	Chi tiết máy II	001	20	11/06/08	RD102	12g15	90	
6	07103	Chi tiết máy II	002	26	11/06/08	RD103	12g15	90	
7	07301	Hệ thống máy CN & CB	001	23	16/06/08	RD104	14g45	90	
8	07301	Hệ thống máy CN & CB	002	23	16/06/08	RD105	14g45	90	
9	07105	Công nghệ chế tạo	001	23	18/06/08	RD103	12g15	90	
10	07105	Công nghệ chế tạo	002	23	18/06/08	RD104	12g15	90	
11	07140	Cơ điện tử	001	27	20/06/08	PV335	09g30	90	
12	07140	Cơ điện tử	002	19	20/06/08	RD101	09g30	90	
13	07139	Thủy lực & máy thủy lực	001	26	20/06/08	RD304	14g45	90	
14	07139	Thủy lực & máy thủy lực	002	20	20/06/08	RD305	14g45	90	
15	07305	Máy làm đất	001	27	23/06/08	PV335	12g15	90	
16	07305	Máy làm đất	002	19	23/06/08	RD101	12g15	90	
17	07313	Thực tập lái máy	001	20	27/06/08	RD502	09g30	90	
18	07313	Thực tập lái máy	002	26	27/06/08	RD503	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05CN

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	03601	Thực tập chuyên ngành m	001	29	09/06/08	RD305	12g15	90	
2	03605	Thức ăn chuyên biệt	001	29	11/06/08	RD305	12g15	90	
3	03502	BTN và ký sinh trùng	001	29	23/06/08	PV217	14g45	90	
4	03410	Sản khoa	001	29	25/06/08	TV101	12g15	90	
5	03711	Chăn nuôi gia cầm M	001	29	27/06/08	HD203	14g45	90	
6	03304	Chế biến và BQ súc sản	001	29	18/07/08	PV219	14g45	90	
7	07201	Cơ khí chăn nuôi	001	29	21/07/08	PV219	14g45	90	
8	03205	Giống chuyên biệt	001	29	24/07/08	PV219	14g45	90	
9	03401	Thú y cơ bản M	001	29	29/07/08	PV219	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05CT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	06202	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	001	73	09/06/08	TV103	09g30	90	
2	06210	KT nuôi cá nước ngọt	001	73	11/06/08	TV202	09g30	90	
3	06317	Kỹ thuật nuôi TS ven bờ	001	73	13/06/08	TV301	09g30	90	
4	06308	QL và BV nguồn lợi TS	001	73	16/06/08	TV103	12g15	90	
5	06407	BQ & CBTS truyền thống	001	28	18/06/08	RD204	12g15	90	
6	06407	BQ & CBTS truyền thống	002	22	18/06/08	RD301	12g15	90	
7	06407	BQ & CBTS truyền thống	003	23	18/06/08	RD302	12g15	90	
8	06416	KT chất lượng SP TS	001	22	20/06/08	RD401	09g30	90	
9	06416	KT chất lượng SP TS	002	22	20/06/08	RD402	09g30	90	
10	06416	KT chất lượng SP TS	003	29	20/06/08	RD403	09g30	90	
11	06417	Tiếp thị SP TS	001	22	23/06/08	RD501	09g30	90	
12	06417	Tiếp thị SP TS	002	22	23/06/08	RD502	09g30	90	
13	06417	Tiếp thị SP TS	003	29	23/06/08	RD503	09g30	90	
14	06420	Quản trị doanh nghiệp TS	001	73	25/06/08	TV202	09g30	90	
15	06440	Dinh dưỡng và ATTP	001	37	27/06/08	RD503	07g00	90	
16	06440	Dinh dưỡng và ATTP	002	36	27/06/08	RD504	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05DC

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	09804	Bản đồ địa hình	002	23	13/06/08		12g15	90	
2	09208	Trắc địa ứng dụng	001	23	09/06/08	RD106	12g15	90	
3	09208	Trắc địa ứng dụng	002	18	09/06/08	RD201	12g15	90	
4	09318	Bản đồ chuyên đề	001	21	09/06/08	PV225	12g15	90	
5	09318	Bản đồ chuyên đề	002	20	09/06/08		12g15	90	
6	09804	Bản đồ địa hình	001	18	13/06/08	PV225	12g15	90	
7	09315	Trắc địa ảnh hàng không	001	23	16/06/08	RD204	14g45	90	
8	09315	Trắc địa ảnh hàng không	002	18	16/06/08		14g45	90	
9	09316	Công nghệ viễn thám	001	41	18/06/08	PV225	14g45	90	
10	09317	Hệ thống định vị toàn cầu	001	21	20/06/08	RD104	12g15	90	
11	09317	Hệ thống định vị toàn cầu	002	20	20/06/08	RD105	12g15	90	
12	09105	HT thông tin địa lý GIS	001	23	23/06/08	PV217	12g15	90	
13	09105	HT thông tin địa lý GIS	002	18	23/06/08		12g15	90	
14	09311	Hệ thống thông tin nhà đất	001	41	25/06/08	RD103	09g30	90	
15	09805	Tin học chuyên ngành ĐC 1	001	22	27/06/08	HD305	09g30	90	
16	09805	Tin học chuyên ngành ĐC 1	002	19	27/06/08	PV319	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05DD

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	10512	Hệ thống quản lý CL trong CNTP	001	29	07/06/08	HD201	09g30	90	
2	10512	Hệ thống quản lý CL trong CNTP	002	23	07/06/08	HD202	09g30	90	
3	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	52	09/06/08	TV302	07g00	90	
4	10504	DD CD đánh giá tình hình DD	001	52	12/06/08	RD305	07g00	90	
5	10309	BQ và CB trà,cafe,cacao	001	31	14/06/08	PV225	09g30	90	
6	10309	BQ và CB trà,cafe,cacao	002	21	14/06/08	PV227	09g30	90	
7	10202	CNSX Thức uống lên men	001	52	16/06/08	RD200	09g30	90	
8	10506	An toàn vệ sinh thực phẩm	001	52	18/06/08	RD105	09g30	90	
9	10308	BQ và chế biến thịt	001	52	20/06/08	TV302	07g00	90	
10	10110	Đánh giá cảm quan TP	001	52	23/06/08	TV302	07g00	90	
11	10404	Máy,thiết bị trong CNTP	001	26	25/06/08	HD204	07g00	90	
12	10404	Máy,thiết bị trong CNTP	002	26	25/06/08	HD205	07g00	90	
13	10403	KT ổn định TP & KT đồ hộp	001	52	27/06/08	PV323	09g30	90	
14	10301	Bao bì thực phẩm	001	26	30/06/08	RD203	09g30	90	
15	10301	Bao bì thực phẩm	002	26	30/06/08	RD204	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05DT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	14256	Lập trình Web	001	31	09/06/08	RD504	09g30	90	
2	14256	Lập trình Web	002	73	09/06/08	TV303	09g30	90	
3	14346	Phương pháp số	001	49	11/06/08	C200	09g30	90	
4	14346	Phương pháp số	002	55	11/06/08	HD303	09g30	90	
5	14361	Đồ họa máy tính	001	59	13/06/08	PV323	09g30	90	
6	14361	Đồ họa máy tính	002	45	13/06/08	PV333	09g30	90	
7	14449	Phân tích & thiết kế hệ thống	001	38	16/06/08	RD504	09g30	90	
8	14449	Phân tích & thiết kế hệ thống	002	66	16/06/08	TV302	09g30	90	
9	14454	Trí tuệ nhân tạo	001	28	18/06/08	PV315	12g15	90	
10	14454	Trí tuệ nhân tạo	002	25	18/06/08	PV319	12g15	90	
11	14454	Trí tuệ nhân tạo	003	51	18/06/08	PV323	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05DY

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08104	Kinh tế nông lâm ĐC	001	31	20/06/08	PV323	09g30	90	
2	08104	Kinh tế nông lâm ĐC	002	24	20/06/08	PV227	09g30	90	
3	03209	Truyền tinh truyền phôi	001	28	23/06/08	TV102	09g30	90	
4	03209	Truyền tinh truyền phôi	002	27	23/06/08	TV103	09g30	90	
5	03208	PPTN thú y	001	28	25/06/08	PV333	12g15	90	
6	03208	PPTN thú y	002	27	25/06/08	PV335	12g15	90	
7	03603	Dinh dưỡng động vật	001	28	28/06/08	HD201	09g30	90	
8	03603	Dinh dưỡng động vật	002	27	28/06/08	HD202	09g30	90	
9	03404	Dược lý thú y	001	29	30/06/08	RD501	14g45	90	
10	03404	Dược lý thú y	002	26	30/06/08	RD502	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05GB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	05714	Công nghệ SX xenlluloz	001	40	10/06/08	RD103	09g30	90	
2	05708	Anh văn chuyên ngành	001	40	12/06/08	RD403	07g00	90	
3	05706	Hóa keo	001	40	14/06/08	RD403	09g30	90	
4	05701	QT & TB công nghệ hóa học	001	40	16/06/08	RD504	07g00	90	
5	07138	Điều khiển tự động M	001	20	18/06/08	HD201	12g15	90	
6	07138	Điều khiển tự động M	002	20	18/06/08	HD202	12g15	90	
7	05715	Công nghệ làm sạch xenlluloz	001	40	20/06/08	RD106	12g15	90	
8	05608	Khoa học gỗ	001	20	23/06/08	HD205	09g30	90	
9	05608	Khoa học gỗ	002	20	23/06/08	HD305	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05HH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08454	Quản trị doanh nghiệp	001	22	09/06/08	RD304	09g30	90	
2	08454	Quản trị doanh nghiệp	002	28	09/06/08	RD305	09g30	90	
3	17205	Quá trình phân riêng	001	50	11/06/08	PV337	12g15	90	
4	17206	Kỹ thuật xúc tác	001	28	13/06/08	RD305	09g30	90	
5	17206	Kỹ thuật xúc tác	002	22	13/06/08	RD401	09g30	90	
6	17211	Dụng cụ đo & kiểm soát QT	001	29	16/06/08	RD105	09g30	90	
7	17211	Dụng cụ đo & kiểm soát QT	002	21	16/06/08	RD106	09g30	90	
8	17212	Thực hành quá trình thiết bị	001	30	18/06/08	PV217	14g45	90	
9	17212	Thực hành quá trình thiết bị	002	20	18/06/08	PV219	14g45	90	
10	17214	Thống kê ứng dụng & PPTN	001	20	20/06/08	RD304	09g30	90	
11	17214	Thống kê ứng dụng & PPTN	002	30	20/06/08	RD305	09g30	90	
12	17215	Kỹ thuật phản ứng	001	26	23/06/08	RD204	09g30	90	
13	17215	Kỹ thuật phản ứng	002	24	23/06/08	RD305	09g30	90	
14	17305	Hóa sinh ứng dụng	001	25	25/06/08	RD101	12g15	90	
15	17305	Hóa sinh ứng dụng	002	25	25/06/08	RD102	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05KE

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08351	Tài chính doanh nghiệp 2	001	87	09/06/08	PV400	07g00	90	
2	08351	Tài chính doanh nghiệp 2	002	28	09/06/08	PV337	07g00	90	
3	08351	Tài chính doanh nghiệp 2	003	28	09/06/08	PV327	07g00	90	
4	08135	Luật tài chính -kế toán	001	33	11/06/08	HD204	07g00	90	
5	08135	Luật tài chính -kế toán	002	76	11/06/08	HD303	07g00	90	
6	08135	Luật tài chính -kế toán	003	34	11/06/08	HD305	07g00	90	
7	08353	Kế toán quản trị-E 1	001	87	13/06/08	RD200	07g00	90	
8	08353	Kế toán quản trị-E 1	002	28	13/06/08	RD301	07g00	90	
9	08353	Kế toán quản trị-E 1	003	28	13/06/08	RD302	07g00	90	
10	08458	Soạn thảo hợp đồng kinh tế M	001	38	16/06/08	RD303	07g00	90	
11	08458	Soạn thảo hợp đồng kinh tế M	002	38	16/06/08	RD304	07g00	90	
12	08458	Soạn thảo hợp đồng kinh tế M	003	38	16/06/08	RD305	07g00	90	
13	08458	Soạn thảo hợp đồng kinh tế M	004	29	16/06/08	RD401	07g00	90	
14	08372	Kế toán ngân hàng	001	38	18/06/08	RD105	07g00	90	
15	08372	Kế toán ngân hàng	002	38	18/06/08	RD204	07g00	90	
16	08372	Kế toán ngân hàng	003	38	18/06/08	RD203	07g00	90	
17	08372	Kế toán ngân hàng	004	29	18/06/08	RD201	07g00	90	
18	08373	Kế toán xây dựng	001	32	20/06/08	RD202	07g00	90	
19	08373	Kế toán xây dựng	002	40	20/06/08	RD203	07g00	90	
20	08373	Kế toán xây dựng	003	40	20/06/08	RD204	07g00	90	
21	08373	Kế toán xây dựng	004	31	20/06/08	RD301	07g00	90	
22	08374	Kế toán Nông nghiệp	001	32	23/06/08	RD301	07g00	90	
23	08374	Kế toán Nông nghiệp	002	32	23/06/08	RD302	07g00	90	
24	08374	Kế toán Nông nghiệp	003	40	23/06/08	RD303	07g00	90	
25	08374	Kế toán Nông nghiệp	004	39	23/06/08	RD304	07g00	90	
26	08375	Kế toán thương mại	001	32	25/06/08	RD301	07g00	90	
27	08375	Kế toán thương mại	002	32	25/06/08	RD302	07g00	90	
28	08375	Kế toán thương mại	003	40	25/06/08	RD303	07g00	90	
29	08375	Kế toán thương mại	004	39	25/06/08	RD304	07g00	90	
30	08468	PP nghiên cứu khoa học	001	33	27/06/08	HD204	07g00	90	
31	08468	PP nghiên cứu khoa học	002	33	27/06/08	HD205	07g00	90	
32	08468	PP nghiên cứu khoa học	003	77	27/06/08	HD301	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05KM

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	49	09/06/08	TV103	07g00	90	
2	00104	Lịch sử Đảng CSVN	002	48	09/06/08	TV202	07g00	90	
3	08603	Kinh tế môi trường 2	001	32	11/06/08	RD203	07g00	90	
4	08603	Kinh tế môi trường 2	002	32	11/06/08	RD204	07g00	90	
5	08603	Kinh tế môi trường 2	003	33	11/06/08	RD302	07g00	90	
6	08403	PP nghiên cứu khoa học	001	35	13/06/08	RD403	07g00	90	
7	08403	PP nghiên cứu khoa học	002	35	13/06/08	RD404	07g00	90	
8	08403	PP nghiên cứu khoa học	003	27	13/06/08	RD501	07g00	90	
9	08604	Định giá tài nguyên môi trường	001	28	16/06/08	RD402	07g00	90	
10	08604	Định giá tài nguyên môi trường	002	35	16/06/08	RD403	07g00	90	
11	08604	Định giá tài nguyên môi trường	003	34	16/06/08	RD404	07g00	90	
12	08606	Dự án đầu tư KM	001	49	18/06/08	RD303	07g00	90	
13	08606	Dự án đầu tư KM	002	48	18/06/08	RD304	07g00	90	
14	08607	Kinh tế TN thủy hải sản	001	49	20/06/08	HD301	07g00	90	
15	08607	Kinh tế TN thủy hải sản	002	48	20/06/08	HD303	07g00	90	
16	08611	Luật tài nguyên môi trường	001	49	23/06/08	PV400	07g00	90	
17	08611	Luật tài nguyên môi trường	002	48	23/06/08	PV327	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05KT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08415	Quản trị trang trại P	001	30	09/06/08	PV219	09g30	90	
2	08415	Quản trị trang trại P	002	35	09/06/08	PV227	09g30	90	
3	08415	Quản trị trang trại P	003	33	09/06/08	PV315	09g30	90	
4	08445	Marketing nông nghiệp	001	42	11/06/08	TV302	09g30	90	
5	08445	Marketing nông nghiệp	002	56	11/06/08	TV303	09g30	90	
6	08222	Phân tích định lượng trong QL	001	38	13/06/08	PV337	09g30	90	
7	08222	Phân tích định lượng trong QL	002	60	13/06/08	PV400	09g30	90	
8	08369	Kế toán Nông Lâm	001	32	18/06/08	RD303	09g30	90	
9	08369	Kế toán Nông Lâm	002	32	18/06/08	RD304	09g30	90	
10	08369	Kế toán Nông Lâm	003	34	18/06/08	RD305	09g30	90	
11	08444	Thị trường nông lâm sản	001	98	20/06/08	TV201	09g30	90	
12	08114	Luật kinh tế	001	97	23/06/08	TV201	09g30	90	
13	08229	Kinh tế phát triển	001	98	27/06/08	TV201	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05LN

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	05115	Phòng chống cháy rừng (M)	001	29	16/06/08	HD201	14g45	90	
2	05312	Quy hoạch & điều chế (M)	001	29	18/06/08	RD501	12g15	90	
3	05316	Điều tra rừng	001	29	20/06/08	HD201	12g15	90	
4	05213	Kinh tế Nông lâm (M)	001	29	23/06/08	RD204	12g15	90	
5	05216	Lâm nghiệp đô thị (M)	001	29	25/06/08	TV102	12g15	90	
6	05406	GIS trong Lâm nghiệp (M)	001	29	30/06/08	PV219	12g15	90	
7	05107	Lâm luật và CSLN	001	29	02/07/08	HD202	09g30	90	
8	05106	Kỹ thuật lâm sinh	001	29	05/07/08	RD103	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05MT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	12526	Xây dựng HTQLMT ISO 14000	001	28	09/06/08	HD204	12g15	90	
2	12526	Xây dựng HTQLMT ISO 14000	002	28	09/06/08	HD205	12g15	90	
3	12203	Quan trắc môi trường	001	28	13/06/08	RD203	09g30	90	
4	12203	Quan trắc môi trường	002	28	13/06/08	RD204	09g30	90	
5	12316	Sản xuất sạch hơn	001	56	16/06/08	PV327	14g45	90	
6	12340	Suy thoái và bảo vệ đất	001	56	18/06/08	HD303	14g45	90	
7	12341	Công nghệ xử nước thải 1	001	25	20/06/08	PV223	12g15	90	
8	12341	Công nghệ xử nước thải 1	002	31	20/06/08	PV225	12g15	90	
9	12507	Đánh giá tác động môi trường	001	56	23/06/08	HD303	12g15	90	
10	12509	Kinh tế môi trường	001	28	25/06/08	RD501	09g30	90	
11	12509	Kinh tế môi trường	002	28	25/06/08	RD502	09g30	90	
12	12512	Kiểm toán môi trường	001	25	27/06/08	PV223	09g30	90	
13	12512	Kiểm toán môi trường	002	31	27/06/08	PV225	09g30	90	
14	12402	Độc chất học môi trường	001	27	30/06/08	PV335	14g45	90	
15	12402	Độc chất học môi trường	002	29	30/06/08	PV337	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05NHA

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	04608	PPNC cây trồng I M	001	29	09/06/08	RD204	09g30	90	
2	04608	PPNC cây trồng I M	002	23	09/06/08	RD301	09g30	90	
3	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	28	11/06/08	PV217	07g00	90	
4	00104	Lịch sử Đảng CSVN	002	24	11/06/08	PV223	07g00	90	
5	04801	Khuyến nông M	001	26	13/06/08	RD304	07g00	90	
6	04801	Khuyến nông M	002	26	13/06/08	RD305	07g00	90	
7	04709	Thuốc bảo vệ thực vật	001	52	20/06/08	C200	09g30	90	
8	04710	Bệnh cây chuyên khoa	001	31	23/06/08	PV225	09g30	90	
9	04710	Bệnh cây chuyên khoa	002	21	23/06/08	PV227	09g30	90	
10	04515	Cây CN dài ngày II M	001	22	25/06/08	PV217	07g00	90	
11	04515	Cây CN dài ngày II M	002	30	25/06/08	PV227	07g00	90	
12	11202	Công nghệ SH cây trồng	001	29	27/06/08	RD105	07g00	90	
13	11202	Công nghệ SH cây trồng	002	23	27/06/08	RD201	07g00	90	
14	04513	Cây CN ngắn ngày I M	001	52	30/06/08	PV327	12g15	90	
15	04711	Côn trùng chuyên khoa M	001	29	02/07/08	PV217	09g30	90	
16	04711	Côn trùng chuyên khoa M	002	23	02/07/08	PV227	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05NHB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	04608	PPNC cây trồng I M	001	24	09/06/08	RD302	09g30	90	
2	04608	PPNC cây trồng I M	002	31	09/06/08	RD303	09g30	90	
3	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	32	11/06/08	PV225	07g00	90	
4	00104	Lịch sử Đảng CSVN	002	23	11/06/08	PV227	07g00	90	
5	04801	Khuyến nông M	001	28	13/06/08	RD401	07g00	90	
6	04801	Khuyến nông M	002	27	13/06/08	RD402	07g00	90	
7	04607	Thủy nông	001	55	17/06/08	PV323	14g45	90	
8	04709	Thuốc bảo vệ thực vật	001	55	20/06/08	PV400	09g30	90	
9	04710	Bệnh cây chuyên khoa	001	29	23/06/08	PV315	09g30	90	
10	04710	Bệnh cây chuyên khoa	002	26	23/06/08	PV319	09g30	90	
11	04515	Cây CN dài ngày II M	001	32	25/06/08	PV315	07g00	90	
12	04515	Cây CN dài ngày II M	002	23	25/06/08	PV319	07g00	90	
13	11202	Công nghệ SH cây trồng	001	24	27/06/08	RD202	07g00	90	
14	11202	Công nghệ SH cây trồng	002	31	27/06/08	RD203	07g00	90	
15	04513	Cây CN ngắn ngày I M	001	55	30/06/08	PV400	12g15	90	
16	04711	Côn trùng chuyên khoa M	001	29	02/07/08	PV315	09g30	90	
17	04711	Côn trùng chuyên khoa M	002	26	02/07/08	PV319	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05NK

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	05102	Bệnh hại rừng	001	13	09/06/08	RD403	12g15	90	
2	05309	Đo đạc & bản đồ (M)	001	13	13/06/08	HD201	12g15	90	
3	05402	Lâm nghiệp xã hội	001	13	16/06/08	RD404	14g45	90	
4	05420	Mô hình hóa sử dụng đất	001	13	18/06/08	RD106	14g45	90	
5	05406	GIS trong Lâm nghiệp (M)	001	13	30/06/08	PV227	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05NL

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07120	Thực tập gia công II	001	50	09/06/08	PV327	09g30	90	
2	07120	Thực tập gia công II	002	33	09/06/08	PV337	09g30	90	
3	07104	Chi tiết máy I	001	26	11/06/08	RD301	09g30	90	
4	07104	Chi tiết máy I	002	26	11/06/08	RD302	09g30	90	
5	07104	Chi tiết máy I	003	31	11/06/08	RD303	09g30	90	
6	07144	Vật liệu phi kim loại	001	29	13/06/08	HD203	09g30	90	
7	07144	Vật liệu phi kim loại	002	27	13/06/08	HD204	09g30	90	
8	07144	Vật liệu phi kim loại	003	27	13/06/08	HD205	09g30	90	
9	07234	PPBTTN & xử lí số liệu	001	42	16/06/08	HD301	12g15	90	
10	07234	PPBTTN & xử lí số liệu	002	41	16/06/08	HD303	12g15	90	
11	07138	Điều khiển tự động M	001	29	18/06/08	HD203	12g15	90	
12	07138	Điều khiển tự động M	002	27	18/06/08	HD204	12g15	90	
13	07138	Điều khiển tự động M	003	27	18/06/08	HD205	12g15	90	
14	07124	Sức bền vật liệu II B	001	83	20/06/08	TV303	09g30	90	
15	07407	Kỹ thuật thực phẩm	001	28	23/06/08	RD104	09g30	90	
16	07407	Kỹ thuật thực phẩm	002	28	23/06/08	RD105	09g30	90	
17	07407	Kỹ thuật thực phẩm	003	27	23/06/08	RD106	09g30	90	
18	07409	Thiết bị TĐN	001	55	25/06/08	C200	07g00	90	
19	07409	Thiết bị TĐN	002	28	25/06/08	HD305	07g00	90	
20	07410	Thiết bị sấy	001	28	27/06/08	RD303	07g00	90	
21	07410	Thiết bị sấy	002	28	27/06/08	RD304	07g00	90	
22	07410	Thiết bị sấy	003	27	27/06/08	RD305	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05NT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	06202	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	001	63	09/06/08	C200	09g30	90	
2	06234	Bệnh cá	001	63	10/06/08	C200	09g30	90	
3	06210	KT nuôi cá nước ngọt	001	63	11/06/08	TV301	09g30	90	
4	06305	KT nuôi nhuyễn thể	001	32	13/06/08	RD201	07g00	90	
5	06305	KT nuôi nhuyễn thể	002	31	13/06/08	RD202	07g00	90	
6	06231	Bệnh tôm	001	28	16/06/08	PV227	12g15	90	
7	06231	Bệnh tôm	002	35	16/06/08	PV333	12g15	90	
8	06310	Kỹ thuật nuôi giáp xác M	001	63	18/06/08	HD301	12g15	90	
9	06209	KT nuôi cá cảnh	001	33	20/06/08	HD203	12g15	90	
10	06209	KT nuôi cá cảnh	002	30	20/06/08	HD204	12g15	90	
11	06216	Hệ thống canh tác M	001	63	23/06/08	TV302	09g30	90	
12	06220	Công trình nuôi TS	001	32	25/06/08	RD104	09g30	90	
13	06220	Công trình nuôi TS	002	31	25/06/08	RD105	09g30	90	
14	06225	Thuốc và hoá chất TS	001	32	27/06/08	HD202	09g30	90	
15	06225	Thuốc và hoá chất TS	002	31	27/06/08	HD203	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05NY

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	06202	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	001	27	09/06/08	HD305	09g30	90	
2	06202	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	002	24	09/06/08	RD101	09g30	90	
3	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	27	11/06/08	PV315	07g00	90	
4	00104	Lịch sử Đảng CSVN	002	24	11/06/08	PV319	07g00	90	
5	06305	KT nuôi nhuyển thể	001	26	13/06/08	RD203	07g00	90	
6	06305	KT nuôi nhuyển thể	002	25	13/06/08	RD204	07g00	90	
7	06231	Bệnh tôm	001	24	16/06/08	PV335	12g15	90	
8	06231	Bệnh tôm	002	27	16/06/08	PV337	12g15	90	
9	06310	Kỹ thuật nuôi giáp xác M	001	51	18/06/08	C200	12g15	90	
10	03522	Luật thú y	001	26	20/06/08	PV227	12g15	90	
11	03522	Luật thú y	002	25	20/06/08	PV315	12g15	90	
12	06805	Bệnh cá 1	001	23	23/06/08	PV223	12g15	90	
13	06805	Bệnh cá 1	002	28	23/06/08	PV225	12g15	90	
14	06806	Mô bệnh học	001	51	25/06/08	PV327	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05PT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08415	Quản trị trang trại P	001	35	09/06/08	PV223	07g00	90	
2	08445	Marketing nông nghiệp	001	18	11/06/08	RD303	07g00	90	
3	08445	Marketing nông nghiệp	002	17	11/06/08	RD304	07g00	90	
4	08403	PP nghiên cứu khoa học	001	35	13/06/08	RD503	07g00	90	
5	08112	Luật và Phát triển nông thôn	001	35	16/06/08	RD203	07g00	90	
6	08310	Tín dụng nông thôn A	001	35	18/06/08	RD503	07g00	90	
7	08508	Phân tích chính sách NN	001	18	20/06/08	HD201	07g00	90	
8	08508	Phân tích chính sách NN	002	17	20/06/08	HD202	07g00	90	
9	08509	Quy hoạch Phát triển NT	001	35	23/06/08	PV333	07g00	90	
10	08526	Lý thuyết phát triển	001	35	25/06/08	RD305	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05QL

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	09902	Rèn nghề II	001	78	09/06/08	HD301	07g00	90	
2	09902	Rèn nghề II	002	77	09/06/08	HD303	07g00	90	
3	09403	Thanh tra địa chính	001	59	09/06/08	HD301	14g45	90	
4	09403	Thanh tra địa chính	002	67	09/06/08	HD303	14g45	90	
5	09403	Thanh tra địa chính	003	29	09/06/08	HD305	14g45	90	
6	09501	Qui hoạch tổng thể KTXH	001	28	11/06/08	PV323	09g30	90	
7	09501	Qui hoạch tổng thể KTXH	002	28	11/06/08		09g30	90	
8	09501	Qui hoạch tổng thể KTXH	003	28	11/06/08	PV333	09g30	90	
9	09501	Qui hoạch tổng thể KTXH	004	71	11/06/08	PV327	09g30	90	
10	09308	Tin học ứng dụng	001	78	13/06/08	HD301	07g00	90	
11	09308	Tin học ứng dụng	002	77	13/06/08	HD303	07g00	90	
12	09404	QL hành chánh về đất đai	001	28	16/06/08	RD303	09g30	90	
13	09404	QL hành chánh về đất đai	002	35	16/06/08	RD304	09g30	90	
14	09404	QL hành chánh về đất đai	003	35	16/06/08	RD305	09g30	90	
15	09404	QL hành chánh về đất đai	004	28	16/06/08	RD403	09g30	90	
16	09404	QL hành chánh về đất đai	005	29	16/06/08	RD404	09g30	90	
17	09102	Bản đồ địa chính	001	84	18/06/08	RD200	07g00	90	
18	09102	Bản đồ địa chính	002	71	18/06/08	HD303	07g00	90	
19	09504	QH phát triển nông thôn	001	78	20/06/08	RD200	07g00	90	
20	09504	QH phát triển nông thôn	002	77	20/06/08	TV102	07g00	90	
21	09406	Đăng ký thống kê	001	67	23/06/08	TV103	14g45	90	
22	09406	Đăng ký thống kê	002	88	23/06/08	TV202	14g45	90	
23	09603	Thị trường bất động sản	001	40	27/06/08	PV217	09g30	90	
24	09603	Thị trường bất động sản	002	44	27/06/08	PV227	09g30	90	
25	09603	Thị trường bất động sản	003	71	27/06/08	PV327	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05QM

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	12526	Xây dựng HTQLMT ISO 14000	001	44	09/06/08	PV217	12g15	90	
2	12534	Đánh giá tác động MT-m	001	24	11/06/08	HD204	09g30	90	
3	12534	Đánh giá tác động MT-m	002	20	11/06/08	HD305	09g30	90	
4	12109	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	001	20	13/06/08	RD502	09g30	90	
5	12109	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	002	24	13/06/08	RD503	09g30	90	
6	12505	Quản lý chất thải nguy hại	001	20	16/06/08	RD202	14g45	90	
7	12505	Quản lý chất thải nguy hại	002	24	16/06/08	RD203	14g45	90	
8	12516	Qui hoạch môi trường	001	23	18/06/08	PV315	14g45	90	
9	12516	Qui hoạch môi trường	002	21	18/06/08	PV319	14g45	90	
10	12518	Quản lý TN vùng bờ & đới bờ	001	20	20/06/08	RD102	12g15	90	
11	12518	Quản lý TN vùng bờ & đới bờ	002	24	20/06/08	RD103	12g15	90	
12	12520	Quản lý đất đai	001	20	23/06/08	RD102	12g15	90	
13	12520	Quản lý đất đai	002	24	23/06/08	RD103	12g15	90	
14	12535	Quản lý dự án môi trường	001	44	27/06/08	PV333	07g00	90	
15	12402	Độc chất học môi trường	001	22	30/06/08	HD204	14g45	90	
16	12402	Độc chất học môi trường	002	22	30/06/08	HD305	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05QR

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	05115	Phòng chống cháy rừng (M)	001	37	16/06/08	HD202	14g45	90	
2	05312	Quy hoạch & điều chế (M)	001	37	18/06/08	RD503	12g15	90	
3	05316	Điều tra rừng	001	37	20/06/08	HD202	12g15	90	
4	02623	Nhân văn nghệ thuật	001	37	23/06/08	HD201	12g15	90	
5	05214	Trồng rừng (M)	001	19	25/06/08	RD501	12g15	90	
6	05214	Trồng rừng (M)	002	18	25/06/08	RD502	12g15	90	
7	05215	Nông Lâm kết hợp (M)	001	37	27/06/08	RD504	09g30	90	
8	05406	GIS trong Lâm nghiệp (M)	001	37	30/06/08	PV225	12g15	90	
9	05107	Lâm luật và CSLN	001	37	02/07/08	HD203	09g30	90	
10	05533	Kinh tế tài nguyên & MT	001	19	05/07/08	RD101	14g45	90	
11	05533	Kinh tế tài nguyên & MT	002	18	05/07/08	RD102	14g45	90	
12	05414	Truyền thông và thúc đẩy	001	37	07/07/08	RD104	09g30	90	
13	05416	Môi trường và phát triển	001	19	11/07/08	RD502	09g30	90	
14	05416	Môi trường và phát triển	002	18	11/07/08	RD501	09g30	90	
15	05106	Kỹ thuật lâm sinh	001	37	12/07/08	RD104	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05QT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08225	Tin học ứng dụng	001	48	09/06/08	PV217	07g00	90	
2	08225	Tin học ứng dụng	002	47	09/06/08	PV225	07g00	90	
3	08450	Thương mại điện tử	001	32	11/06/08	RD305	07g00	90	
4	08450	Thương mại điện tử	002	32	11/06/08	RD403	07g00	90	
5	08450	Thương mại điện tử	003	31	11/06/08	RD404	07g00	90	
6	08469	Quản trị nhân sự	001	37	13/06/08	PV217	07g00	90	
7	08469	Quản trị nhân sự	002	25	13/06/08	PV219	07g00	90	
8	08469	Quản trị nhân sự	003	33	13/06/08	PV223	07g00	90	
9	08431	Quản trị Marketing	001	95	20/06/08	TV303	07g00	90	
10	08432	Quản trị rủi ro	001	95	23/06/08	TV103	07g00	90	
11	08451	Quản trị sản xuất	001	54	25/06/08	PV323	07g00	90	
12	08451	Quản trị sản xuất	002	41	25/06/08	PV335	07g00	90	
13	08430	Nghiên cứu thị trường	001	95	27/06/08	TV201	14g45	90	
14	08429	Quản trị chất lượng	001	95	30/06/08	TV103	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05SH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	82	09/06/08	TV303	07g00	90	
2	11501	Kiểm nghiệm chất lượng TPhẩm	001	32	10/06/08	PV337	09g30	90	
3	11501	Kiểm nghiệm chất lượng TPhẩm	002	50	10/06/08	PV400	09g30	90	
4	11113	Công nghệ di truyền	001	25	11/06/08	HD205	12g15	90	
5	11113	Công nghệ di truyền	002	57	11/06/08	HD303	12g15	90	
6	11115	Quá trình công nghệ sinh học	001	82	13/06/08	TV103	09g30	90	
7	11117	Sinh tin học	001	25	16/06/08	RD301	12g15	90	
8	11117	Sinh tin học	002	25	16/06/08	RD302	12g15	90	
9	11117	Sinh tin học	003	32	16/06/08	RD303	12g15	90	
10	11118	An toàn sinh học	001	82	18/06/08	TV303	12g15	90	
11	11121	Nông nghiệp đại cương	001	82	20/06/08	RD200	09g30	90	
12	11122	Bệnh lý đại cương	001	25	23/06/08	RD201	09g30	90	
13	11122	Bệnh lý đại cương	002	25	23/06/08	RD202	09g30	90	
14	11122	Bệnh lý đại cương	003	32	23/06/08	RD203	09g30	90	
15	11201	Nuôi cấy mô tế bào Thực vật	001	25	25/06/08	HD205	09g30	90	
16	11201	Nuôi cấy mô tế bào Thực vật	002	57	25/06/08	HD301	09g30	90	
17	11401	Công nghệ xử lý chất thải	001	32	27/06/08	RD404	07g00	90	
18	11401	Công nghệ xử lý chất thải	002	25	27/06/08	RD501	07g00	90	
19	11401	Công nghệ xử lý chất thải	003	25	27/06/08	RD502	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 tháng
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05SP

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	15208	Phương pháp thực nghiệm	001	63	09/06/08	PV400	12g15	90	
2	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	63	11/06/08	PV327	07g00	90	
3	15103	Sinh lý thực vật	001	63	13/06/08	TV101	09g30	90	
4	15309	ứng dụng CNTT trong dạy học	001	32	14/06/08	RD101	09g30	90	
5	15309	ứng dụng CNTT trong dạy học	002	31	14/06/08	RD102	09g30	90	
6	15224	Kỹ thuật nuôi Ts nước lợ	001	63	16/06/08	HD303	14g45	90	
7	15211	Khuyến nông & PTNT	001	63	18/06/08	TV201	12g15	90	
8	15220	Kỹ thuật nuôi TS nước ngọt	001	63	20/06/08	HD301	12g15	90	
9	15221	Chăn nuôi heo	001	63	23/06/08	C200	12g15	90	
10	15222	Chăn nuôi gia cầm	001	35	25/06/08	RD106	09g30	90	
11	15222	Chăn nuôi gia cầm	002	28	25/06/08	RD201	09g30	90	
12	15223	Chăn nuôi đại gia súc	001	32	27/06/08	HD204	09g30	90	
13	15223	Chăn nuôi đại gia súc	002	31	27/06/08	HD205	09g30	90	
14	15308	Phương pháp dạy môn KTNN	001	63	30/06/08	TV302	12g15	90	
15	10306	Bảo quản nông sản	001	63	02/07/08	PV400	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05TB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	09902	Rèn nghề II	001	25	09/06/08	HD205	07g00	90	
2	09902	Rèn nghề II	002	25	09/06/08	HD305	07g00	90	
3	09902	Rèn nghề II	003	31	09/06/08	PV335	07g00	90	
4	09503	Qui hoạch sử dụng đất đai	001	54	11/06/08	TV303	12g15	90	
5	09503	Qui hoạch sử dụng đất đai	002	27	11/06/08		12g15	90	
6	09506	Qui hoạch đô thị & BĐS	001	31	13/06/08	TV201	09g30	90	
7	09506	Qui hoạch đô thị & BĐS	002	25	13/06/08		09g30	90	
8	09506	Qui hoạch đô thị & BĐS	003	25	13/06/08		09g30	90	
9	09406	Đăng ký thống kê	001	81	16/06/08	HD303	07g00	90	
10	09405	Quản lý hành chính về ĐĐ-BĐ	001	29	18/06/08	TV103	12g15	90	
11	09405	Quản lý hành chính về ĐĐ-BĐ	002	29	18/06/08		12g15	90	
12	09405	Quản lý hành chính về ĐĐ-BĐ	003	23	18/06/08		12g15	90	
13	09508	Nhà ở & kiến trúc đô thị	001	31	20/06/08	TV301	09g30	90	
14	09508	Nhà ở & kiến trúc đô thị	002	25	20/06/08		09g30	90	
15	09508	Nhà ở & kiến trúc đô thị	003	25	20/06/08		09g30	90	
16	09311	Hệ thống thông tin nhà đất	001	36	23/06/08	TV303	09g30	90	
17	09311	Hệ thống thông tin nhà đất	002	45	23/06/08		09g30	90	
18	09607	Tín dụng ngân hàng	001	25	25/06/08	TV201	09g30	90	
19	09607	Tín dụng ngân hàng	002	56	25/06/08		09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05TD

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07120	Thực tập gia công II	001	66	09/06/08	PV400	09g30	90	
2	07242	Máy gia công cơ học NSTP	001	66	11/06/08	HD301	12g15	90	
3	07403	Máy và thiết bị lạnh	001	66	13/06/08	TV102	09g30	90	
4	07504	kỹ thuật số	001	34	16/06/08	HD203	14g45	90	
5	07504	kỹ thuật số	002	32	16/06/08	HD204	14g45	90	
6	07508	Kỹ thuật điều khiển tự động	001	29	18/06/08	PV333	12g15	90	
7	07508	Kỹ thuật điều khiển tự động	002	37	18/06/08	PV335	12g15	90	
8	07506	Cảm biến đo lường điều khiển	001	66	20/06/08	C200	12g15	90	
9	07507	Lập trình hệ thống	001	66	23/06/08	C200	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05TM

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08344	Quản trị tài chính	001	36	09/06/08	PV223	09g30	90	
2	08344	Quản trị tài chính	002	46	09/06/08	PV225	09g30	90	
3	08450	Thương mại điện tử	001	25	11/06/08	HD205	09g30	90	
4	08450	Thương mại điện tử	002	57	11/06/08	HD301	09g30	90	
5	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	25	14/06/08	HD205	07g00	90	
6	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	57	14/06/08	HD301	07g00	90	
7	08362	Nghiệp vụ thanh toán	001	23	16/06/08	PV227	09g30	90	
8	08362	Nghiệp vụ thanh toán	002	29	16/06/08	PV335	09g30	90	
9	08362	Nghiệp vụ thanh toán	003	30	16/06/08	PV337	09g30	90	
10	08367	Kế toán quản trị	001	44	18/06/08	TV102	09g30	90	
11	08367	Kế toán quản trị	002	38	18/06/08	TV301	09g30	90	
12	08446	Anh văn chuyên ngành Q	001	27	20/06/08	RD103	09g30	90	
13	08446	Anh văn chuyên ngành Q	002	27	20/06/08	RD104	09g30	90	
14	08446	Anh văn chuyên ngành Q	003	28	20/06/08	RD105	09g30	90	
15	08461	Động thái khách hàng	001	82	23/06/08	RD200	09g30	90	
16	08462	Quản trị doanh nghiệp TM 1	001	27	25/06/08	HD201	09g30	90	
17	08462	Quản trị doanh nghiệp TM 1	002	27	25/06/08	HD202	09g30	90	
18	08462	Quản trị doanh nghiệp TM 1	003	28	25/06/08	HD203	09g30	90	
19	08465	Phân tích kinh doanh TM	001	82	27/06/08	TV303	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH05TY

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08104	Kinh tế nông lâm ĐC	001	76	20/06/08	TV101	09g30	90	
2	03209	Truyền tinh truyền phôi	001	76	23/06/08	TV101	09g30	90	
3	03607	Khuyến nông	001	29	25/06/08	RD303	12g15	90	
4	03607	Khuyến nông	002	23	25/06/08	RD304	12g15	90	
5	03607	Khuyến nông	003	24	25/06/08	RD305	12g15	90	
6	03603	Dinh dưỡng động vật	001	27	28/06/08	HD203	09g30	90	
7	03603	Dinh dưỡng động vật	002	25	28/06/08	HD204	09g30	90	
8	03603	Dinh dưỡng động vật	003	24	28/06/08	HD205	09g30	90	
9	03610	Phát triển nông thôn NH	001	38	30/06/08	PV333	12g15	90	
10	03610	Phát triển nông thôn NH	002	38	30/06/08	PV337	12g15	90	
11	03404	Dược lý thú y	001	76	15/07/08	PV327	09g30	90	
12	03208	PPTN thú y	001	23	18/07/08	PV223	09g30	90	
13	03208	PPTN thú y	002	23	18/07/08	PV227	09g30	90	
14	03208	PPTN thú y	003	30	18/07/08	PV225	09g30	90	
15	03206	Giống đại cương	001	38	20/07/08	PV333	09g30	90	
16	03206	Giống đại cương	002	38	20/07/08	PV337	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06AV

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	27	09/06/08	RD101	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	27	09/06/08	RD102	07g00	90	
3	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	003	34	09/06/08	RD103	07g00	90	
4	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	004	34	09/06/08	RD104	07g00	90	
5	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	005	33	09/06/08	RD105	07g00	90	
6	02615	Tiếng Việt	001	66	11/06/08	TV102	09g30	90	
7	02615	Tiếng Việt	002	89	11/06/08	TV103	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06BQ

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08123	Nguyên lý kinh tế	001	46	09/06/08	TV101	14g45	90	
2	08123	Nguyên lý kinh tế	002	46	09/06/08	TV102	14g45	90	
3	10107	Vi Sinh đại cương	001	35	11/06/08	PV337	14g45	90	
4	10107	Vi Sinh đại cương	002	57	11/06/08	PV400	14g45	90	
5	10208	Hoá thực phẩm	001	44	13/06/08	PV335	14g45	90	
6	10208	Hoá thực phẩm	002	48	13/06/08	PV337	14g45	90	
7	10318	Nhiệt kỹ thuật	001	44	17/06/08	PV335	14g45	90	
8	10318	Nhiệt kỹ thuật	002	48	17/06/08	PV337	14g45	90	
9	10323	Kỹ thuật điện ĐC	001	92	19/06/08	TV103	14g45	90	
10	10405	Nước Trong CNTP-X.lý nước thải	001	31	21/06/08	RD102	14g45	90	
11	10405	Nước Trong CNTP-X.lý nước thải	002	31	21/06/08	RD201	14g45	90	
12	10405	Nước Trong CNTP-X.lý nước thải	003	30	21/06/08	RD202	14g45	90	
13	04310	Nông học đại cương B	001	35	24/06/08	RD305	14g45	90	
14	04310	Nông học đại cương B	002	28	24/06/08	RD401	14g45	90	
15	04310	Nông học đại cương B	003	29	24/06/08	RD402	14g45	90	
16	10408	Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm	001	35	26/06/08	RD204	14g45	90	
17	10408	Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm	002	28	26/06/08	RD301	14g45	90	
18	10408	Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm	003	29	26/06/08	RD302	14g45	90	
19	10201	Công nghệ H.sinh & enzym	001	28	28/06/08	RD101	14g45	90	
20	10201	Công nghệ H.sinh & enzym	002	28	28/06/08	RD102	14g45	90	
21	10201	Công nghệ H.sinh & enzym	003	36	28/06/08	RD103	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06BV

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	16	09/06/08	RD106	07g00	90	
2	04304	Khoa học đất cơ bản M	001	16	10/06/08	HD201	09g30	90	
3	04103	Sinh lý thực vật cơ bản	001	16	12/06/08	RD201	07g00	90	
4	04204	Di truyền đại cương M	001	16	14/06/08	HD204	09g30	90	
5	04501	Hệ thống canh tác M	001	16	16/06/08	RD201	12g15	90	
6	04601	Anh văn chuyên Ngành	001	16	18/06/08	RD105	12g15	90	
7	10104	Vĩ sinh đại cương A	001	16	20/06/08	RD102	09g30	90	
8	04606	Khí tượng đại cương	001	16	30/06/08	TV101	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06CB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	27	09/06/08	RD201	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	27	09/06/08	RD202	07g00	90	
3	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	54	11/06/08	PV323	07g00	90	
4	05603	Nhiệt kỹ thuật	001	54	16/06/08	TV101	12g15	90	
5	05601	Sức bền vật liệu	001	54	18/06/08	PV327	09g30	90	
6	05605	Họa hình & vẽ kỹ thuật	001	32	20/06/08	PV217	09g30	90	
7	05605	Họa hình & vẽ kỹ thuật	002	22	20/06/08	PV219	09g30	90	
8	05604	Điện kỹ thuật	001	27	23/06/08	HD205	12g15	90	
9	05604	Điện kỹ thuật	002	27	23/06/08	HD305	12g15	90	
10	05606	Cơ lưu chất	001	54	25/06/08	RD200	09g30	90	
11	05602	Cơ học lý thuyết	001	25	25/06/08	RD501	14g45	90	
12	05602	Cơ học lý thuyết	002	29	25/06/08	RD502	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06CC

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07327	Động cơ đốt trong	001	22	09/06/08	RD402	12g15	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	22	10/06/08	RD104	07g00	90	
3	07112	Dung sai	001	22	12/06/08	PV319	14g45	90	
4	07131	Kim loại và nhiệt luyện	001	22	13/06/08	RD105	09g30	90	
5	07133	Nguyên lý máy M	001	22	14/06/08	RD504	07g00	90	
6	07226	Tin học ứng dụng	001	22	16/06/08	HD203	07g00	90	
7	07142	Điện tử	001	22	16/06/08	RD403	14g45	90	
8	07126	Cơ sở KT điện M	001	22	18/06/08	PV219	09g30	90	
9	07108	Cơ lưu chất I	001	22	20/06/08	RD305	12g15	90	
10	07141	Cơ sở nhiệt động lực học	001	22	25/06/08	TV202	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06CD

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07627	Ngoại ngữ chuyên ngành	001	50	09/06/08	PV333	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	25	10/06/08	RD105	07g00	90	
3	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	25	10/06/08	RD106	07g00	90	
4	07112	Dung sai	001	50	12/06/08	TV101	14g45	90	
5	07603	Vật liệu KL và phi kim loại	001	25	13/06/08	PV219	09g30	90	
6	07603	Vật liệu KL và phi kim loại	002	25	13/06/08	PV227	09g30	90	
7	07133	Nguyên lý máy M	001	50	14/06/08	TV101	07g00	90	
8	07601	Tin học ứng dụng	001	50	16/06/08	PV337	14g45	90	
9	07625	Điện tử	001	25	16/06/08	RD200	14g45	90	
10	07625	Điện tử	002	25	16/06/08	RD201	14g45	90	
11	07604	Kỹ thuật lập trình	001	50	20/06/08	PV323	12g15	90	
12	07153	Chi tiết máy	001	50	23/06/08	PV327	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06CH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	16309	Đồ họa ứng dụng	001	17	14/06/08	RD301	07g00		
2	16309	Đồ họa ứng dụng	002	16	14/06/08	RD302	07g00		
3	16307	Phương pháp thí nghiệm	001	17	16/06/08	RD101	07g00		
4	16307	Phương pháp thí nghiệm	002	17	16/06/08	RD102	07g00		
5	16108	Khí tượng học	001	33	18/06/08	PV333	14g45	90	
6	16101	Phân loại thực vật	001	33	20/06/08	RD504	14g45	90	
7	16102	Sinh lý thực vật	001	17	23/06/08	RD301	14g45	90	
8	16102	Sinh lý thực vật	002	17	23/06/08	RD302	14g45	90	
9	16103	Đất & dinh dưỡng cây trồng	001	33	25/06/08	RD304	14g45	90	
10	16302	Trắc địa và bản đồ	001	18	30/06/08	PV315	14g45	90	
11	16302	Trắc địa và bản đồ	002	16	30/06/08	PV319	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06CK

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07235	Kỹ thuật đo lường	001	17	09/06/08	RD301	12g15	90	
2	07235	Kỹ thuật đo lường	002	17	09/06/08	RD302	12g15	90	
3	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	17	10/06/08	RD201	07g00	90	
4	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	17	10/06/08	RD202	07g00	90	
5	07112	Dung sai	001	34	12/06/08	PV333	14g45	90	
6	07131	Kim loại và nhiệt luyện	001	34	13/06/08	RD106	09g30	90	
7	07133	Nguyên lý máy M	001	34	14/06/08	TV102	07g00	90	
8	07129	Điện và điện tử	001	34	16/06/08	TV201	14g45	90	
9	07126	Cơ sở KT điện M	001	34	18/06/08	PV223	09g30	90	
10	07136	Sức bền vật liệu I M	001	34	20/06/08	TV101	07g00	90	
11	07223	Nhiệt kỹ thuật I	001	34	25/06/08	PV333	07g00	90	
12	07134	L.trình & T.kế trên máy tính	001	34	27/06/08	TV101	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06CN

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	03210	Thống kê sinh học	001	30	16/06/08	RD102	12g15	90	
2	03506	Vi sinh chăn nuôi M	001	30	19/06/08	HD201	14g45	90	
3	03608	Nông học đại cương	001	30	23/06/08	HD201	14g45	90	
4	03301	Cơ thể học đại cương	001	30	27/06/08	RD501	12g15	90	
5	03508	Mô phôi	001	30	30/06/08	RD504	14g45	90	
6	03106	Sinh lý động vật	001	30	16/07/08	PV219	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06CT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	06901	Seminar	001	33	09/06/08	RD404	12g15		
2	06901	Seminar	002	27	09/06/08	RD501	12g15		
3	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	30	10/06/08	RD203	07g00	90	
4	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	30	10/06/08	RD204	07g00	90	
5	06115	Thủy sản đại cương M	001	60	12/06/08	TV101	07g00	90	
6	06134	Ngư loại học I	001	60	14/06/08	TV201	07g00	90	
7	06411	Chế biến thực phẩm ĐC	001	36	16/06/08	PV217	14g45	90	
8	06411	Chế biến thực phẩm ĐC	002	24	16/06/08	PV219	14g45	90	
9	06427	Kỹ thuật điện ĐC	001	30	18/06/08	HD201	14g45	90	
10	06427	Kỹ thuật điện ĐC	002	30	18/06/08	HD202	14g45	90	
11	06428	Vẽ kỹ thuật	001	60	20/06/08	HD303	12g15	90	
12	06429	Nhiệt kỹ thuật	001	31	23/06/08	HD203	12g15	90	
13	06429	Nhiệt kỹ thuật	002	29	23/06/08	HD204	12g15	90	
14	06430	Cơ sở KT thực phẩm I	001	27	25/06/08	RD202	09g30	90	
15	06430	Cơ sở KT thực phẩm I	002	33	25/06/08	RD203	09g30	90	
16	06436	Vi sinh thực phẩm	001	60	27/06/08	HD301	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06DC

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	09310	Bản đồ học	001	29	09/06/08	TV301	09g30	90	
2	09310	Bản đồ học	002	29	09/06/08		09g30	90	
3	09142	Ngoại ngữ chuyên ngành QL	001	58	11/06/08	TV202	12g15	90	
4	09205	Trắc địa cơ sở 1	001	29	13/06/08	PV217	09g30	90	
5	09205	Trắc địa cơ sở 1	002	29	13/06/08		09g30	90	
6	09401	Pháp luật đất đai	001	30	16/06/08	TV202	14g45	90	
7	09401	Pháp luật đất đai	002	28	16/06/08		14g45	90	
8	09604	Kinh tế đất	001	34	18/06/08	PV400	09g30	90	
9	09604	Kinh tế đất	002	24	18/06/08		09g30	90	
10	09307	Cơ sở dữ liệu	001	58	20/06/08	TV102	09g30	90	
11	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	58	23/06/08	TV101	07g00	90	
12	09711	Khoa học đất cơ bản	001	29	25/06/08	TV101	09g30	90	
13	09711	Khoa học đất cơ bản	002	29	25/06/08		09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06DD

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08123	Nguyên lý kinh tế	001	47	09/06/08	TV302	14g45	90	
2	10107	Vi Sinh đại cương	001	24	11/06/08	RD301	14g45	90	
3	10107	Vi Sinh đại cương	002	23	11/06/08	RD501	14g45	90	
4	10208	Hoá thực phẩm	001	47	13/06/08	C200	14g45	90	
5	10318	Nhiệt kỹ thuật	001	47	17/06/08	C200	14g45	90	
6	10323	Kỹ thuật điện ĐC	001	47	19/06/08	TV102	14g45	90	
7	10510	Sinh lý tiêu hóa	001	21	21/06/08	RD402	14g45	90	
8	10510	Sinh lý tiêu hóa	002	26	21/06/08	RD403	14g45	90	
9	10503	Độc tố	001	19	23/06/08	PV319	12g15	90	
10	10503	Độc tố	002	28	23/06/08	PV333	12g15	90	
11	04310	Nông học đại cương B	001	24	24/06/08	RD403	14g45	90	
12	04310	Nông học đại cương B	002	23	24/06/08	RD404	14g45	90	
13	10502	Dinh dưỡng cơ sở	001	27	26/06/08	RD102	14g45	90	
14	10502	Dinh dưỡng cơ sở	002	20	26/06/08	RD101	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06DL

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	69	09/06/08	RD200	07g00	90	
2	12309	Ô nhiễm không khí và tiếng ồn	001	35	11/06/08	RD304	09g30	90	
3	12309	Ô nhiễm không khí và tiếng ồn	002	34	11/06/08	RD305	09g30	90	
4	12537	Hệ thống thông tin địa lý-m	001	69	13/06/08	HD301	09g30	90	
5	12503	Sức khỏe CD và vệ sinh MT	001	30	16/06/08	PV219	12g15	90	
6	12503	Sức khỏe CD và vệ sinh MT	002	39	16/06/08	PV223	12g15	90	
7	12530	Quản lý nguồn nước	001	35	18/06/08	RD303	12g15	90	
8	12530	Quản lý nguồn nước	002	34	18/06/08	RD304	12g15	90	
9	12601	Văn hoá Việt Nam	001	69	20/06/08	TV302	09g30	90	
10	12602	Địa lý du lịch	001	69	23/06/08	C200	07g00	90	
11	12615	Sinh thái cảnh quan	001	69	25/06/08	TV302	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06DTA

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	95	10/06/08	RD200	07g00	90	
2	14244	Mạng máy tính	001	52	12/06/08	TV202	07g00	90	
3	14244	Mạng máy tính	002	44	12/06/08	TV301	07g00	90	
4	14343	Lập trình B	001	32	14/06/08	HD201	09g30	90	
5	14343	Lập trình B	002	32	14/06/08	HD202	09g30	90	
6	14343	Lập trình B	003	32	14/06/08	HD203	09g30	90	
7	14344	Cấu trúc dữ liệu 1	001	52	16/06/08	TV202	09g30	90	
8	14344	Cấu trúc dữ liệu 1	002	44	16/06/08	TV301	09g30	90	
9	14445	Cơ sở dữ liệu	001	35	18/06/08	RD504	07g00	90	
10	14445	Cơ sở dữ liệu	002	60	18/06/08	TV302	07g00	90	
11	14257	Hệ điều hành 1-m	001	45	20/06/08	PV335	07g00	90	
12	14257	Hệ điều hành 1-m	002	49	20/06/08	PV337	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06DTB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	29	10/06/08	RD301	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	29	10/06/08	RD302	07g00	90	
3	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	003	36	10/06/08	RD303	07g00	90	
4	14244	Mạng máy tính	001	94	12/06/08	TV303	07g00	90	
5	14343	Lập trình B	001	29	14/06/08	HD205	09g30	90	
6	14343	Lập trình B	002	65	14/06/08	HD301	09g30	90	
7	14344	Cấu trúc dữ liệu 1	001	94	16/06/08	TV303	09g30	90	
8	14445	Cơ sở dữ liệu	001	94	18/06/08	TV303	07g00	90	
9	14257	Hệ điều hành 1-m	001	34	20/06/08	PV333	07g00	90	
10	14257	Hệ điều hành 1-m	002	60	20/06/08	PV400	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06DY

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	03210	Thống kê sinh học	001	22	16/06/08	TV301	12g15	90	
2	03210	Thống kê sinh học	002	22	16/06/08	TV302	12g15	90	
3	03516	Vi sinh đại cương	001	20	19/06/08	HD202	14g45	90	
4	03516	Vi sinh đại cương	002	24	19/06/08	HD203	14g45	90	
5	03508	Mô phôi	001	44	23/06/08	HD301	14g45	90	
6	03301	Cơ thể học đại cương	001	19	27/06/08	RD401	12g15	90	
7	03301	Cơ thể học đại cương	002	25	27/06/08	RD402	12g15	90	
8	03510	Siêu vi trùng thú y	001	22	30/06/08	RD401	12g15	90	
9	03510	Siêu vi trùng thú y	002	22	30/06/08	RD402	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06GB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	30	09/06/08	RD203	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	29	09/06/08	RD204	07g00	90	
3	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	30	11/06/08	PV333	07g00	90	
4	00104	Lịch sử Đảng CSVN	002	29	11/06/08	PV335	07g00	90	
5	05603	Nhiệt kỹ thuật	001	59	16/06/08	TV102	12g15	90	
6	05601	Sức bền vật liệu	001	30	18/06/08	PV333	09g30	90	
7	05601	Sức bền vật liệu	002	29	18/06/08	PV335	09g30	90	
8	05605	Họa hình & vẽ kỹ thuật	001	26	20/06/08	PV223	09g30	90	
9	05605	Họa hình & vẽ kỹ thuật	002	33	20/06/08	PV225	09g30	90	
10	05608	Khoa học gỗ	001	59	23/06/08	TV301	09g30	90	
11	05602	Cơ học lý thuyết	001	31	25/06/08	RD503	14g45	90	
12	05602	Cơ học lý thuyết	002	28	25/06/08	RD504	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06HH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	30	10/06/08	RD304	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	30	10/06/08	RD305	07g00	90	
3	07146	Vẽ kỹ thuật CNHH	001	30	13/06/08	RD303	14g45	90	
4	07146	Vẽ kỹ thuật CNHH	002	30	13/06/08	RD304	14g45	90	
5	07129	Điện và điện tử	001	60	16/06/08	C200	12g15	90	
6	17101	Hóa phân tích dụng cụ	001	31	18/06/08	HD203	14g45	90	
7	17101	Hóa phân tích dụng cụ	002	29	18/06/08	HD204	14g45	90	
8	17103	Tính chất công nghệ vật liệu	001	36	20/06/08	PV217	12g15	90	
9	17103	Tính chất công nghệ vật liệu	002	24	20/06/08	PV219	12g15	90	
10	17104	Nhiệt kỹ thuật	001	60	23/06/08	HD301	12g15	90	
11	17201	Ngoại ngữ chuyên ngành	001	27	25/06/08	RD302	09g30	90	
12	17201	Ngoại ngữ chuyên ngành	002	33	25/06/08	RD303	09g30	90	
13	17202	Giới thiệu CN hoá học	001	60	27/06/08	HD303	09g30	90	
14	08459	Tiếp thị HH	001	30	30/06/08	RD103	14g45	90	
15	08459	Tiếp thị HH	002	30	30/06/08	RD104	14g45	90	
16	17301	Hóa sinh đại cương	001	60	02/07/08	PV323	09g30	90	
17	17203	Thủy lực	001	60	05/07/08	TV102	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06KEA

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02618	Quản trị học A	001	40	09/06/08	RD203	12g15	90	
2	02618	Quản trị học A	002	27	09/06/08	RD304	12g15	90	
3	02618	Quản trị học A	003	36	09/06/08	RD503	12g15	90	
4	02618	Quản trị học A	004	44	09/06/08	RD504	12g15	90	
5	08337	Thuế	001	31	11/06/08	RD203	12g15	90	
6	08337	Thuế	002	39	11/06/08	RD204	12g15	90	
7	08337	Thuế	003	39	11/06/08	RD304	12g15	90	
8	08337	Thuế	004	38	11/06/08	RD403	12g15	90	
9	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	34	14/06/08	HD204	07g00	90	
10	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	78	14/06/08	HD303	07g00	90	
11	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	003	35	14/06/08	HD305	07g00	90	
12	08448	Marketing căn bản Q	001	31	16/06/08	RD202	12g15	90	
13	08448	Marketing căn bản Q	002	39	16/06/08	RD203	12g15	90	
14	08448	Marketing căn bản Q	003	39	16/06/08	RD204	12g15	90	
15	08448	Marketing căn bản Q	004	38	16/06/08	RD200	12g15	90	
16	08345	Tín dụng ngân hàng	001	40	20/06/08	TV101	12g15	90	
17	08345	Tín dụng ngân hàng	002	27	20/06/08	TV102	12g15	90	
18	08345	Tín dụng ngân hàng	003	36	20/06/08	TV103	12g15	90	
19	08345	Tín dụng ngân hàng	004	44	20/06/08	TV201	12g15	90	
20	08371	Kế toán tài chính 1	001	40	23/06/08	TV101	12g15	90	
21	08371	Kế toán tài chính 1	002	27	23/06/08	TV102	12g15	90	
22	08371	Kế toán tài chính 1	003	36	23/06/08	TV103	12g15	90	
23	08371	Kế toán tài chính 1	004	44	23/06/08	TV201	12g15	90	
24	08322	Toán tài chính	001	30	26/06/08	HD203	14g45	90	
25	08322	Toán tài chính	002	27	26/06/08	HD204	14g45	90	
26	08322	Toán tài chính	003	27	26/06/08	HD205	14g45	90	
27	08322	Toán tài chính	004	63	26/06/08	HD301	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06KEB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02618	Quản trị học A	001	32	09/06/08	TV101	12g15	90	
2	02618	Quản trị học A	002	30	09/06/08	TV102	12g15	90	
3	02618	Quản trị học A	003	28	09/06/08	TV103	12g15	90	
4	02618	Quản trị học A	004	56	09/06/08	TV202	12g15	90	
5	08337	Thuế	001	27	11/06/08	PV227	12g15	90	
6	08337	Thuế	002	34	11/06/08	PV225	12g15	90	
7	08337	Thuế	003	85	11/06/08	PV400	12g15	90	
8	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	32	14/06/08	RD105	07g00	90	
9	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	32	14/06/08	RD106	07g00	90	
10	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	003	82	14/06/08	RD200	07g00	90	
11	08448	Marketing căn bản Q	001	27	16/06/08	PV319	12g15	90	
12	08448	Marketing căn bản Q	002	34	16/06/08	PV315	12g15	90	
13	08448	Marketing căn bản Q	003	85	16/06/08	PV327	12g15	90	
14	08345	Tín dụng ngân hàng	001	32	20/06/08	TV202	12g15	90	
15	08345	Tín dụng ngân hàng	002	30	20/06/08	TV301	12g15	90	
16	08345	Tín dụng ngân hàng	003	28	20/06/08	TV302	12g15	90	
17	08345	Tín dụng ngân hàng	004	56	20/06/08	TV303	12g15	90	
18	08371	Kế toán tài chính 1	001	32	23/06/08	TV202	12g15	90	
19	08371	Kế toán tài chính 1	002	30	23/06/08	TV301	12g15	90	
20	08371	Kế toán tài chính 1	003	28	23/06/08	TV302	12g15	90	
21	08371	Kế toán tài chính 1	004	56	23/06/08	TV303	12g15	90	
22	08322	Toán tài chính	001	36	26/06/08	HD202	14g45	90	
23	08322	Toán tài chính	002	76	26/06/08	HD303	14g45	90	
24	08322	Toán tài chính	003	34	26/06/08	HD305	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06KM

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08137	Kinh tế vĩ mô 2	001	27	09/06/08	HD204	09g30	90	
2	08137	Kinh tế vĩ mô 2	002	27	09/06/08	HD205	09g30	90	
3	08137	Kinh tế vĩ mô 2	003	62	09/06/08	HD301	09g30	90	
4	08136	Kinh tế vĩ mô 2	001	116	11/06/08	PV400	09g30	90	
5	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	26	14/06/08	RD201	07g00	90	
6	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	26	14/06/08	RD202	07g00	90	
7	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	003	32	14/06/08	RD203	07g00	90	
8	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	004	32	14/06/08	RD204	07g00	90	
9	08518	Hệ thống thông tin địa lý	001	27	16/06/08	PV315	09g30	90	
10	08518	Hệ thống thông tin địa lý	002	24	16/06/08	PV319	09g30	90	
11	08518	Hệ thống thông tin địa lý	003	65	16/06/08	PV400	09g30	90	
12	02614	Quản trị học B	001	58	20/06/08	TV103	09g30	90	
13	02614	Quản trị học B	002	58	20/06/08	TV202	09g30	90	
14	12515	Bảo vệ môi trường NN	001	58	23/06/08	HD301	09g30	90	
15	12515	Bảo vệ môi trường NN	002	58	23/06/08	HD303	09g30	90	
16	08211	Kinh tế lượng căn bản	001	26	28/06/08	RD101	09g30	90	
17	08211	Kinh tế lượng căn bản	002	26	28/06/08	RD102	09g30	90	
18	08211	Kinh tế lượng căn bản	003	32	28/06/08	RD103	09g30	90	
19	08211	Kinh tế lượng căn bản	004	32	28/06/08	RD104	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06KN

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02618	Quản trị học A	001	44	09/06/08	PV333	09g30	90	
2	08337	Thuế	001	22	11/06/08	HD201	09g30	90	
3	08337	Thuế	002	22	11/06/08	HD202	09g30	90	
4	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	22	14/06/08	PV337	09g30	90	
5	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	22	14/06/08	PV400	09g30	90	
6	08231	Nguyên lý thống kê kinh tế	001	44	16/06/08	C200	09g30	90	
7	08340	Tài chính tiền tệ	001	44	18/06/08	TV103	09g30	90	
8	08124	Kinh tế nông lâm căn bản	001	20	21/06/08	PV227	14g45	90	
9	08124	Kinh tế nông lâm căn bản	002	24	21/06/08	PV225	14g45	90	
10	08115	Kinh tế quốc tế	001	22	23/06/08	RD101	09g30	90	
11	08115	Kinh tế quốc tế	002	22	23/06/08	RD102	09g30	90	
12	08343	Nguyên lý kế toán	001	44	25/06/08	RD504	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06KT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08137	Kinh tế vĩ mô 2	001	60	09/06/08	HD301	12g15	90	
2	08137	Kinh tế vĩ mô 2	002	26	09/06/08	HD203	12g15	90	
3	08136	Kinh tế vi mô 2	001	86	11/06/08	TV101	12g15	90	
4	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	29	14/06/08	RD503	09g30	90	
5	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	29	14/06/08	RD504	09g30	90	
6	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	003	28	14/06/08	PV333	09g30	90	
7	02622	Pháp luật đại cương	001	31	16/06/08	RD103	12g15	90	
8	02622	Pháp luật đại cương	002	29	16/06/08	RD104	12g15	90	
9	02622	Pháp luật đại cương	003	26	16/06/08	RD105	12g15	90	
10	08211	Kinh tế lượng căn bản	001	25	18/06/08	TV101	12g15	90	
11	08211	Kinh tế lượng căn bản	002	61	18/06/08	TV102	12g15	90	
12	08124	Kinh tế nông lâm căn bản	001	33	20/06/08	RD403	12g15	90	
13	08124	Kinh tế nông lâm căn bản	002	26	20/06/08	RD404	12g15	90	
14	08124	Kinh tế nông lâm căn bản	003	27	20/06/08	RD503	12g15	90	
15	08005	Bảo vệ môi trường NLN-K	001	26	23/06/08	RD303	12g15	90	
16	08005	Bảo vệ môi trường NLN-K	002	26	23/06/08	RD304	12g15	90	
17	08005	Bảo vệ môi trường NLN-K	003	34	23/06/08	RD305	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06LN

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	21	09/06/08	RD301	07g00	90	
2	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	21	11/06/08	HD201	07g00	90	
3	05104	Đất và lập địa (M)	001	21	13/06/08	RD101	09g30	90	
4	05105	Khí tượng thủy văn	001	21	16/06/08	RD402	12g15	90	
5	05112	Thực vật rừng	001	21	18/06/08	RD201	12g15	90	
6	05207	Sinh lý thực vật	001	21	20/06/08	RD301	09g30	90	
7	05212	Động vật rừng (M)	001	21	25/06/08	RD203	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06MT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	27	09/06/08	RD302	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	33	09/06/08	RD303	07g00	90	
3	12537	Hệ thống thông tin địa lý-m	001	60	13/06/08	HD303	09g30	90	
4	12306	Bơm và trạm bơm	001	27	16/06/08	PV223	14g45	90	
5	12306	Bơm và trạm bơm	002	33	16/06/08	PV225	14g45	90	
6	12331	Vẽ kỹ thuật M	001	60	18/06/08	HD303	12g15	90	
7	12342	PP nghiên cứu KHMT-M	001	24	20/06/08	PV319	09g30	90	
8	12342	PP nghiên cứu KHMT-M	002	36	20/06/08	PV333	09g30	90	
9	12104	Sinh thái học môi trường	001	60	23/06/08	PV323	09g30	90	
10	12332	Mạng lưới cấp nước	001	33	25/06/08	RD204	09g30	90	
11	12332	Mạng lưới cấp nước	002	27	25/06/08	RD301	09g30	90	
12	12402	Độc chất học môi trường	001	60	30/06/08	PV400	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06NH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	37	09/06/08	RD304	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	37	09/06/08	RD305	07g00	90	
3	04103	Sinh lý thực vật cơ bản	001	28	12/06/08	RD204	07g00	90	
4	04103	Sinh lý thực vật cơ bản	002	23	12/06/08	RD301	07g00	90	
5	04103	Sinh lý thực vật cơ bản	003	23	12/06/08	RD302	07g00	90	
6	04204	Di truyền đại cương M	001	74	14/06/08	HD303	09g30	90	
7	04601	Anh văn chuyên Ngành	001	74	18/06/08	TV202	12g15	90	
8	04304	Khoa học đất cơ bản M	001	37	18/06/08	PV223	14g45	90	
9	04304	Khoa học đất cơ bản M	002	37	18/06/08	PV337	14g45	90	
10	03716	Chăn nuôi đại cương M	001	37	23/06/08	RD403	09g30	90	
11	03716	Chăn nuôi đại cương M	002	37	23/06/08	RD404	09g30	90	
12	04308	Nông học đại cương I	001	74	25/06/08	TV103	09g30	90	
13	04501	Hệ thống canh tác M	001	74	27/06/08	TV103	12g15	90	
14	10104	Vi sinh đại cương A	001	74	30/06/08	TV103	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06NK

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	17	09/06/08	RD401	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	16	09/06/08	RD402	07g00	90	
3	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	33	11/06/08	HD202	07g00	90	
4	05104	Đất và lập địa (M)	001	33	13/06/08	PV335	09g30	90	
5	05105	Khí tượng thủy văn	001	17	16/06/08	RD501	12g15	90	
6	05105	Khí tượng thủy văn	002	16	16/06/08	RD502	12g15	90	
7	05112	Thực vật rừng	001	33	18/06/08	RD203	12g15	90	
8	05207	Sinh lý thực vật	001	33	20/06/08	RD303	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06NL

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	28	10/06/08	RD401	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	28	10/06/08	RD402	07g00	90	
3	07112	Dung sai	001	56	12/06/08	TV102	14g45	90	
4	07131	Kim loại và nhiệt luyện	001	56	13/06/08	RD403	09g30	90	
5	07133	Nguyên lý máy M	001	56	14/06/08	TV301	07g00	90	
6	07226	Tin học ứng dụng	001	56	16/06/08	PV400	07g00	90	
7	07148	Điện tử NL	001	29	16/06/08	RD102	14g45	90	
8	07148	Điện tử NL	002	27	16/06/08	RD106	14g45	90	
9	07126	Cơ sở KT điện M	001	56	18/06/08	C200	09g30	90	
10	07149	Cơ lưu chất	001	34	20/06/08	RD403	14g45	90	
11	07149	Cơ lưu chất	002	22	20/06/08	RD404	14g45	90	
12	07147	Nhiệt động lực học KT	001	28	25/06/08	RD403	09g30	90	
13	07147	Nhiệt động lực học KT	002	28	25/06/08	RD404	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06NT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	06901	Seminar	001	67	09/06/08	RD200	12g15		
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	34	10/06/08	RD403	07g00	90	
3	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	33	10/06/08	RD404	07g00	90	
4	06115	Thủy sản đại cương M	001	67	12/06/08	TV102	07g00	90	
5	06134	Ngư loại học I	001	67	14/06/08	TV202	07g00	90	
6	06101	Chất lượng nước cho NTTS	001	39	16/06/08	PV333	09g30	90	
7	06101	Chất lượng nước cho NTTS	002	28	16/06/08	RD502	09g30	90	
8	06102	Di truyền đại cương	001	37	18/06/08	RD404	09g30	90	
9	06102	Di truyền đại cương	002	30	18/06/08	RD501	09g30	90	
10	06112	Thủy sinh thực vật M	001	34	20/06/08	RD304	07g00	90	
11	06112	Thủy sinh thực vật M	002	33	20/06/08	RD305	07g00	90	
12	06106	Sinh lý cá và giáp xác	001	29	23/06/08	PV219	09g30	90	
13	06106	Sinh lý cá và giáp xác	002	38	23/06/08	PV223	09g30	90	
14	06107	Sinh thái thủy vực	001	35	25/06/08	HD305	09g30	90	
15	06107	Sinh thái thủy vực	002	32	25/06/08	RD101	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06NY

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	06901	Seminar	001	30	09/06/08	RD502	12g15		
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	30	10/06/08	RD501	07g00	90	
3	06115	Thủy sản đại cương M	001	30	12/06/08	RD104	07g00	90	
4	06134	Ngư loại học I	001	30	14/06/08	TV303	07g00	90	
5	06101	Chất lượng nước cho NTTS	001	30	16/06/08	RD503	09g30	90	
6	06102	Di truyền đại cương	001	30	18/06/08	RD502	09g30	90	
7	06112	Thủy sinh thực vật M	001	30	20/06/08	RD401	07g00	90	
8	06130	Sinh học phân tử	001	30	23/06/08	RD203	12g15	90	
9	06201	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	001	30	25/06/08	PV400	12g15	90	
10	06801	Giải phẫu cá và giáp xác	001	30	27/06/08	TV102	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06OT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07701	Nhập môn ngành CN Ôtô	001	31	09/06/08	PV335	12g15	90	
2	07701	Nhập môn ngành CN Ôtô	002	34	09/06/08	PV337	12g15	90	
3	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	29	10/06/08	RD502	07g00	90	
4	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	36	10/06/08	RD503	07g00	90	
5	07702	An toàn và môi trường c.nghiệp	001	65	11/06/08	C200	12g15	90	
6	07112	Dung sai	001	65	12/06/08	TV103	14g45	90	
7	07131	Kim loại và nhiệt luyện	001	65	13/06/08	RD404	09g30	90	
8	07119	Thực tập gia công I	001	65	14/06/08	C200	09g30	90	
9	07226	Tin học ứng dụng	001	65	16/06/08	TV302	07g00	90	
10	07126	Cơ sở KT điện M	001	65	18/06/08	TV202	09g30	90	
11	02614	Quản trị học B	001	65	20/06/08	TV103	07g00	90	
12	07223	Nhiệt kỹ thuật I	001	65	25/06/08	PV327	07g00	90	
13	07159	Chi tiết máy	001	65	27/06/08	C200	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06PT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08002	Nông học đại cương-K	001	23	09/06/08	PV217	09g30	90	
2	08001	Chăn nuôi đại cương-K	001	23	11/06/08	HD203	09g30	90	
3	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	23	14/06/08	PV335	09g30	90	
4	08003	Lâm nghiệp đại cương-K	001	23	16/06/08	RD202	09g30	90	
5	08004	Thủy sản đại cương-K	001	23	18/06/08	RD401	09g30	90	
6	08010	Cơ khí nông lâm đại cương	001	23	21/06/08	PV223	14g45	90	
7	08013	Thú y cơ bản- P	001	23	23/06/08	PV337	09g30	90	
8	08022	Kỹ Thuật Canh tác	001	23	25/06/08	RD503	09g30	90	
9	08503	Giáo dục khuyến nông	001	23	27/06/08	TV202	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06QL

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	09510	Đánh giá tác động môi trường	001	59	09/06/08	TV101	09g30	90	
2	09510	Đánh giá tác động môi trường	002	58	09/06/08	TV102	09g30	90	
3	09301	Bản đồ học	001	35	11/06/08	TV201	12g15	90	
4	09301	Bản đồ học	002	82	11/06/08		12g15	90	
5	09507	Quản lý nguồn nước	001	29	13/06/08	TV201	07g00	90	
6	09507	Quản lý nguồn nước	002	39	13/06/08		07g00	90	
7	09507	Quản lý nguồn nước	003	49	13/06/08		07g00	90	
8	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	33	16/06/08	TV303	12g15	90	
9	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	33	16/06/08	TV202	12g15	90	
10	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	003	26	16/06/08		12g15	90	
11	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	004	25	16/06/08		12g15	90	
12	09706	Nông học đại cương Q	001	26	18/06/08	TV102	14g45	90	
13	09706	Nông học đại cương Q	002	26	18/06/08	TV101	14g45	90	
14	09706	Nông học đại cương Q	003	33	18/06/08		14g45	90	
15	09706	Nông học đại cương Q	004	32	18/06/08		14g45	90	
16	09604	Kinh tế đất	001	31	20/06/08	PV225	14g45	90	
17	09604	Kinh tế đất	002	29	20/06/08		14g45	90	
18	09604	Kinh tế đất	003	57	20/06/08	PV323	14g45	90	
19	09701	Khoa học đất cơ bản	001	39	23/06/08	PV400	12g15	90	
20	09701	Khoa học đất cơ bản	002	39	23/06/08		12g15	90	
21	09701	Khoa học đất cơ bản	003	39	23/06/08		12g15	90	
22	09130	Trắc địa đại cương	001	30	25/06/08	TV303	12g15	90	
23	09130	Trắc địa đại cương	002	30	25/06/08		12g15	90	
24	09130	Trắc địa đại cương	003	30	25/06/08		12g15	90	
25	09130	Trắc địa đại cương	004	27	25/06/08	RD503	12g15	90	
26	09142	Ngoại ngữ chuyên ngành QL	001	50	27/06/08	PV323	12g15	90	
27	09142	Ngoại ngữ chuyên ngành QL	002	67	27/06/08	PV327	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06QM

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	25	09/06/08	RD503	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	25	09/06/08	RD504	07g00	90	
3	12309	Ô nhiễm không khí và tiếng ồn	001	25	11/06/08	RD401	09g30	90	
4	12309	Ô nhiễm không khí và tiếng ồn	002	25	11/06/08	RD402	09g30	90	
5	12308	Mạng lưới cấp thoát nước	001	25	13/06/08	RD303	09g30	90	
6	12308	Mạng lưới cấp thoát nước	002	25	13/06/08	RD304	09g30	90	
7	12503	Sức khỏe CD và vệ sinh MT	001	50	16/06/08	PV225	12g15	90	
8	12331	Vẽ kỹ thuật M	001	22	18/06/08	HD305	12g15	90	
9	12331	Vẽ kỹ thuật M	002	28	18/06/08	PV217	12g15	90	
10	12342	PP nghiên cứu KHMT-M	001	50	20/06/08	PV337	09g30	90	
11	12104	Sinh thái học môi trường	001	23	23/06/08	PV333	09g30	90	
12	12104	Sinh thái học môi trường	002	23	23/06/08	PV335	09g30	90	
13	12322	Quản lý chất thải rắn	001	50	25/06/08	PV337	12g15	90	
14	12517	Quản lý tài nguyên rừng	001	25	27/06/08	RD303	09g30	90	
15	12517	Quản lý tài nguyên rừng	002	25	27/06/08	RD304	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06QR

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	24	09/06/08	HD201	07g00	90	
2	00104	Lịch sử Đảng CSVN	001	24	11/06/08	HD203	07g00	90	
3	05104	Đất và lập địa (M)	001	24	13/06/08	RD102	09g30	90	
4	05105	Khí tượng thủy văn	001	24	16/06/08	RD503	12g15	90	
5	05112	Thực vật rừng	001	24	18/06/08	RD202	12g15	90	
6	05207	Sinh lý thực vật	001	24	20/06/08	RD302	09g30	90	
7	02623	Nhân văn nghệ thuật	001	24	23/06/08	HD202	12g15	90	
8	05212	Động vật rừng (M)	001	24	25/06/08	RD204	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06QT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02618	Quản trị học A	001	70	09/06/08	PV327	14g45	90	
2	02618	Quản trị học A	002	47	09/06/08	PV225	14g45	90	
3	02618	Quản trị học A	003	74	09/06/08	PV400	14g45	90	
4	08337	Thuế	001	40	11/06/08	RD203	14g45	90	
5	08337	Thuế	002	40	11/06/08	RD204	14g45	90	
6	08337	Thuế	003	32	11/06/08	RD302	14g45	90	
7	08337	Thuế	004	40	11/06/08	RD303	14g45	90	
8	08337	Thuế	005	39	11/06/08	RD304	14g45	90	
9	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	28	14/06/08	PV327	09g30	90	
10	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	35	14/06/08		09g30	90	
11	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	003	35	14/06/08		09g30	90	
12	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	004	28	14/06/08		09g30	90	
13	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	005	28	14/06/08		09g30	90	
14	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	006	37	14/06/08		09g30	90	
15	08458	Soạn thảo hợp đồng kinh tế M	001	28	16/06/08	RD103	14g45	90	
16	08458	Soạn thảo hợp đồng kinh tế M	002	35	16/06/08	RD304	14g45	90	
17	08458	Soạn thảo hợp đồng kinh tế M	003	35	16/06/08	RD504	14g45	90	
18	08458	Soạn thảo hợp đồng kinh tế M	004	28	16/06/08	RD501	14g45	90	
19	08458	Soạn thảo hợp đồng kinh tế M	005	28	16/06/08	RD502	14g45	90	
20	08458	Soạn thảo hợp đồng kinh tế M	006	37	16/06/08	RD503	14g45	90	
21	08211	Kinh tế lượng căn bản	001	35	18/06/08	RD303	14g45	90	
22	08211	Kinh tế lượng căn bản	002	28	18/06/08	RD304	14g45	90	
23	08211	Kinh tế lượng căn bản	003	28	18/06/08	RD305	14g45	90	
24	08211	Kinh tế lượng căn bản	004	35	18/06/08	RD203	14g45	90	
25	08211	Kinh tế lượng căn bản	005	35	18/06/08	RD204	14g45	90	
26	08211	Kinh tế lượng căn bản	006	30	18/06/08	RD403	14g45	90	
27	08423	Luật thương mại	001	38	20/06/08	HD202	14g45	90	
28	08423	Luật thương mại	002	38	20/06/08	HD203	14g45	90	
29	08423	Luật thương mại	003	35	20/06/08	HD205	14g45	90	
30	08423	Luật thương mại	004	80	20/06/08	HD301	14g45	90	
31	08339	Nghiệp vụ ngân hàng	001	72	23/06/08	PV327	14g45	90	
32	08339	Nghiệp vụ ngân hàng	002	43	23/06/08	PV333	14g45	90	
33	08339	Nghiệp vụ ngân hàng	003	76	23/06/08	PV400	14g45	90	
34	08422	Hành vi tổ chức	001	62	25/06/08	TV301	14g45	90	
35	08422	Hành vi tổ chức	002	55	25/06/08	TV302	14g45	90	
36	08422	Hành vi tổ chức	003	74	25/06/08	TV303	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06SH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	11101	Di truyền học	001	50	09/06/08	PV327	12g15	90	
2	11101	Di truyền học	002	30	09/06/08	PV333	12g15	90	
3	11102	Sinh hóa học	001	42	11/06/08	PV217	12g15	90	
4	11102	Sinh hóa học	002	38	11/06/08	PV223	12g15	90	
5	11103	Vi sinh học	001	80	13/06/08	TV202	09g30	90	
6	11105	Di truyền số lượng	001	40	16/06/08	RD403	12g15	90	
7	11105	Di truyền số lượng	002	40	16/06/08	RD404	12g15	90	
8	11106	Sinh học phân tử	001	80	18/06/08	RD200	12g15	90	
9	11107	CN Sinh học đại cương	001	40	20/06/08	RD203	09g30	90	
10	11107	CN Sinh học đại cương	002	40	20/06/08	RD204	09g30	90	
11	11109	Sinh lý thực vật	001	40	23/06/08	RD303	09g30	90	
12	11109	Sinh lý thực vật	002	40	23/06/08	RD304	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06SK

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	15307	Phương pháp NCKH	001	38	09/06/08	PV337	14g45	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	38	10/06/08	RD504	07g00	90	
3	02608	Lôgic SP	001	38	12/06/08	RD404	07g00	90	
4	15321	Niên luận	001	38	14/06/08	RD404	09g30	90	
5	15304	Lý luận dạy học	001	38	16/06/08	RD504	12g15	90	
6	03106	Sinh lý động vật	001	19	18/06/08	RD401	12g15	90	
7	03106	Sinh lý động vật	002	19	18/06/08	RD402	12g15	90	
8	07136	Sức bền vật liệu I M	001	19	20/06/08	RD501	09g30	90	
9	07136	Sức bền vật liệu I M	002	19	20/06/08	RD502	09g30	90	
10	15325	Anh văn chuyên ngành SPKTCN	001	38	25/06/08	RD404	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06SP

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	15307	Phương pháp NCKH	001	30	09/06/08	RD504	14g45	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	30	10/06/08	HD201	07g00	90	
3	15319	Anh văn chuyên ngành SP	001	30	12/06/08	RD502	07g00	90	
4	15103	Sinh lý thực vật	001	30	13/06/08	HD305	09g30	90	
5	15304	Lý luận dạy học	001	30	16/06/08	PV400	12g15	90	
6	15102	Sinh lý động vật SP	001	30	18/06/08	RD101	14g45	90	
7	15104	Vi sinh đại cương	001	30	20/06/08	RD301	12g15	90	
8	15225	Cơ sở sinh học nuôi TS	001	30	23/06/08	RD504	09g30	90	
9	15203	Nông học đại cương	001	30	25/06/08	RD200	12g15	90	
10	15209	Thú y cơ bản	001	30	27/06/08	TV103	09g30	90	
11	15226	Thủy sản đại cương	001	30	30/06/08	RD304	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06TB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	09510	Đánh giá tác động môi trường	001	59	09/06/08	HD303	09g30	90	
2	09310	Bản đồ học	001	31	11/06/08	TV101	09g30	90	
3	09310	Bản đồ học	002	28	11/06/08		09g30	90	
4	09605	Kinh tế học đô thị	001	59	13/06/08	PV400	12g15	90	
5	09307	Cơ sở dữ liệu	001	59	16/06/08	RD103	09g30	90	
6	09611	Kinh tế đất BĐS	001	30	18/06/08	PV323	09g30	90	
7	09611	Kinh tế đất BĐS	002	29	18/06/08		09g30	90	
8	09701	Khoa học đất cơ bản	001	33	20/06/08	PV400	14g45	90	
9	09701	Khoa học đất cơ bản	002	26	20/06/08		14g45	90	
10	09142	Ngoại ngữ chuyên ngành QL	001	59	23/06/08	TV202	09g30	90	
11	09204	Trắc địa đại cương	001	59	25/06/08	TV201	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06TD

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	07501	Ngoại ngữ chuyên ngành TD	001	28	09/06/08	PV319	07g00	90	
2	07501	Ngoại ngữ chuyên ngành TD	002	26	09/06/08	PV315	07g00	90	
3	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	27	10/06/08	HD202	07g00	90	
4	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	27	10/06/08	HD203	07g00	90	
5	07112	Dung sai	001	54	12/06/08	TV301	14g45	90	
6	07133	Nguyên lý máy M	001	54	14/06/08	TV302	07g00	90	
7	07226	Tin học ứng dụng	001	54	16/06/08	TV303	07g00	90	
8	07148	Điện tử NL	001	54	16/06/08	PV400	14g45	90	
9	07401	Kỹ thuật điện	001	54	18/06/08	RD200	09g30	90	
10	07153	Chi tiết máy	001	54	23/06/08	PV400	09g30	90	
11	05601	Sức bền vật liệu	001	54	27/06/08	HD301	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06TM

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	001	69	09/06/08	C200	07g00	90	
2	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	002	38	09/06/08	HD202	07g00	90	
3	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	003	38	09/06/08	HD203	07g00	90	
4	00101	Chủ nghĩa khoa học xã hội	004	34	09/06/08	HD204	07g00	90	
5	08337	Thuế	001	39	11/06/08	RD103	14g45	90	
6	08337	Thuế	002	31	11/06/08	RD104	14g45	90	
7	08337	Thuế	003	31	11/06/08	RD105	14g45	90	
8	08337	Thuế	004	39	11/06/08	RD106	14g45	90	
9	08337	Thuế	005	39	11/06/08	RD305	14g45	90	
10	08469	Quản trị nhân sự	001	43	13/06/08	PV225	14g45	90	
11	08469	Quản trị nhân sự	002	30	13/06/08	PV227	14g45	90	
12	08469	Quản trị nhân sự	003	28	13/06/08	PV315	14g45	90	
13	08469	Quản trị nhân sự	004	26	13/06/08	PV319	14g45	90	
14	08469	Quản trị nhân sự	005	52	13/06/08	PV323	14g45	90	
15	08448	Marketing căn bản Q	001	28	16/06/08	TV101	14g45	90	
16	08448	Marketing căn bản Q	002	28	16/06/08	TV102	14g45	90	
17	08448	Marketing căn bản Q	003	34	16/06/08	TV103	14g45	90	
18	08448	Marketing căn bản Q	004	34	16/06/08	TV301	14g45	90	
19	08448	Marketing căn bản Q	005	28	16/06/08	TV302	14g45	90	
20	08448	Marketing căn bản Q	006	27	16/06/08	TV303	14g45	90	
21	08211	Kinh tế lượng căn bản	001	31	18/06/08	RD501	14g45	90	
22	08211	Kinh tế lượng căn bản	002	39	18/06/08	RD503	14g45	90	
23	08211	Kinh tế lượng căn bản	003	39	18/06/08	RD504	14g45	90	
24	08211	Kinh tế lượng căn bản	004	39	18/06/08	RD404	14g45	90	
25	08211	Kinh tế lượng căn bản	005	31	18/06/08	RD502	14g45	90	
26	08423	Luật thương mại	001	36	20/06/08	HD201	14g45	90	
27	08423	Luật thương mại	002	33	20/06/08	HD204	14g45	90	
28	08423	Luật thương mại	003	76	20/06/08	HD303	14g45	90	
29	08423	Luật thương mại	004	34	20/06/08	HD305	14g45	90	
30	08115	Kinh tế quốc tế	001	53	23/06/08	TV301	14g45	90	
31	08115	Kinh tế quốc tế	002	53	23/06/08	TV302	14g45	90	
32	08115	Kinh tế quốc tế	003	73	23/06/08	TV303	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06TY

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	03210	Thống kê sinh học	001	101	16/06/08	TV201	12g15	90	
2	03516	Vi sinh đại cương	001	39	19/06/08	HD205	14g45	90	
3	03516	Vi sinh đại cương	002	31	19/06/08	HD204	14g45	90	
4	03516	Vi sinh đại cương	003	31	19/06/08	HD305	14g45	90	
5	03508	Mô phôi	001	101	23/06/08	TV201	14g45	90	
6	03301	Cơ thể học đại cương	001	43	27/06/08	RD504	12g15	90	
7	03301	Cơ thể học đại cương	002	30	27/06/08	RD503	12g15	90	
8	03301	Cơ thể học đại cương	003	28	27/06/08	RD502	12g15	90	
9	03510	Siêu vi trùng thú y	001	36	30/06/08	RD403	12g15	90	
10	03510	Siêu vi trùng thú y	002	36	30/06/08	RD404	12g15	90	
11	03510	Siêu vi trùng thú y	003	29	30/06/08	RD501	12g15	90	
12	03102	Sinh hóa	001	51	16/07/08	PV327	09g30	90	
13	03102	Sinh hóa	002	50	16/07/08	PV323	09g30	90	
14	03203	Di truyền đại cương	001	51	17/07/08	PV327	09g30	90	
15	03203	Di truyền đại cương	002	50	17/07/08	PV323	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH06VT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08123	Nguyên lý kinh tế	001	55	09/06/08	TV301	14g45	90	
2	10107	Vi Sinh đại cương	001	24	11/06/08	RD502	14g45	90	
3	10107	Vi Sinh đại cương	002	31	11/06/08	RD503	14g45	90	
4	10208	Hoá thực phẩm	001	55	13/06/08	PV400	14g45	90	
5	10318	Nhiệt kỹ thuật	001	55	17/06/08	PV400	14g45	90	
6	10323	Kỹ thuật điện ĐC	001	55	19/06/08	TV301	14g45	90	
7	10405	Nước Trong CNTP-X.lý nước thải	001	28	21/06/08	RD203	14g45	90	
8	10405	Nước Trong CNTP-X.lý nước thải	002	27	21/06/08	RD204	14g45	90	
9	10108	Vi sinh thực phẩm	001	28	24/06/08	RD503	14g45	90	
10	10108	Vi sinh thực phẩm	002	27	24/06/08	RD504	14g45	90	
11	10201	Công nghệ H.sinh & enzym	001	28	28/06/08	RD104	14g45	90	
12	10201	Công nghệ H.sinh & enzym	002	27	28/06/08	RD105	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07AV

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00102	Kinh tế chính trị	001	61	10/06/08	C200	12g15	90	
2	00102	Kinh tế chính trị	002	31	10/06/08	HD205	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07BQ

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00305	Pháp văn 2-M	001	9	12/06/08	RD101	07g00	90	
2	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	26	14/06/08	RD101	07g00	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	002	26	14/06/08	RD102	07g00	90	
4	00109	Triết học Mác Lê Nin	003	33	14/06/08	RD103	07g00	90	
5	00109	Triết học Mác Lê Nin	004	33	14/06/08	RD104	07g00	90	
6	02414	Sinh học thực vật	001	30	16/06/08	PV219	07g00	90	
7	02414	Sinh học thực vật	002	39	16/06/08	PV223	07g00	90	
8	02414	Sinh học thực vật	003	49	16/06/08	PV225	07g00	90	
9	02113	Toán cao cấp B2	001	59	27/06/08	TV101	07g00	90	
10	02113	Toán cao cấp B2	002	59	27/06/08	TV102	07g00	90	
11	13610	Anh văn 2K	001	48	29/06/08	PV323	07g00	90	
12	13610	Anh văn 2K	002	61	29/06/08	PV327	07g00	90	
13	02303	Hóa đại cương B2	001	34	01/07/08	RD106	07g00	90	
14	02303	Hóa đại cương B2	002	84	01/07/08	RD200	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07BV

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02306	Hóa phân tích	001	25	12/06/08	PV319	12g15	90	
2	02306	Hóa phân tích	002	62	12/06/08	PV327	12g15	90	
3	02306	Hóa phân tích	003	37	12/06/08	PV333	12g15	90	
4	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	41	14/06/08	PV217	07g00	90	
5	00109	Triết học Mác Lê Nin	002	37	14/06/08	PV223	07g00	90	
6	00109	Triết học Mác Lê Nin	003	46	14/06/08	PV225	07g00	90	
7	02416	Thực vật học & phân loại TVật	001	62	16/06/08	TV101	09g30	90	
8	02416	Thực vật học & phân loại TVật	002	62	16/06/08	TV102	09g30	90	
9	02624	Kinh tế học cơ bản	001	32	18/06/08	HD202	09g30	90	
10	02624	Kinh tế học cơ bản	002	32	18/06/08	HD203	09g30	90	
11	02624	Kinh tế học cơ bản	003	30	18/06/08	HD204	09g30	90	
12	02624	Kinh tế học cơ bản	004	30	18/06/08	HD205	09g30	90	
13	02121	Xác suất thống kê	001	32	21/06/08	HD202	09g30	90	
14	02121	Xác suất thống kê	002	32	21/06/08	HD203	09g30	90	
15	02121	Xác suất thống kê	003	30	21/06/08	HD204	09g30	90	
16	02121	Xác suất thống kê	004	30	21/06/08	HD205	09g30	90	
17	04311	Phương pháp tiếp cận khoa học	001	32	23/06/08	HD201	07g00	90	
18	04311	Phương pháp tiếp cận khoa học	002	32	23/06/08	HD202	07g00	90	
19	04311	Phương pháp tiếp cận khoa học	003	32	23/06/08	HD203	07g00	90	
20	04311	Phương pháp tiếp cận khoa học	004	28	23/06/08	HD204	07g00	90	
21	04611	Phương pháp thí nghiệm 1	001	32	25/06/08	HD201	14g45	90	
22	04611	Phương pháp thí nghiệm 1	002	32	25/06/08	HD202	14g45	90	
23	04611	Phương pháp thí nghiệm 1	003	32	25/06/08	HD203	14g45	90	
24	04611	Phương pháp thí nghiệm 1	004	28	25/06/08	HD204	14g45	90	
25	13608	Ngoại ngữ 2-M	001	29	27/06/08	HD204	12g15	90	
26	13608	Ngoại ngữ 2-M	002	29	27/06/08	HD205	12g15	90	
27	13608	Ngoại ngữ 2-M	003	66	27/06/08	HD301	12g15	90	
28	04606	Khí tượng đại cương	001	31	30/06/08	TV102	14g45	90	
29	04606	Khí tượng đại cương	002	28	30/06/08	TV201	14g45	90	
30	04606	Khí tượng đại cương	003	65	30/06/08	TV202	14g45	90	
31	04304	Khoa học đất cơ bản M	001	29	02/07/08	HD204	09g30	90	
32	04304	Khoa học đất cơ bản M	002	29	02/07/08	HD205	09g30	90	
33	04304	Khoa học đất cơ bản M	003	66	02/07/08	HD301	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07CB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02603	Dân số học	001	34	08/06/08	HD201	09g30	90	
2	00102	Kinh tế chính trị	001	34	10/06/08	PV227	12g15	90	
3	02308	Hoá đại cương A2	001	34	12/06/08	PV217	12g15	90	
4	02204	Vật lý đại cương A2	001	34	14/06/08	HD202	12g15	90	
5	02109	Toán cao cấp A2	001	34	25/06/08	HD201	12g15	90	
6	13610	Anh văn 2K	001	34	29/06/08	PV333	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07CC

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02603	Dân số học	001	23	08/06/08	HD202	09g30	90	
2	00102	Kinh tế chính trị	001	23	10/06/08	HD203	12g15	90	
3	07114	Vẽ kỹ thuật cơ bản	001	23	12/06/08	RD101	14g45	90	
4	02204	Vật lý đại cương A2	001	23	14/06/08	HD203	12g15	90	
5	07110	Hình học họa hình	001	23	16/06/08	HD203	09g30	90	
6	07107	Cơ học lý thuyết I	001	23	18/06/08	HD201	09g30	90	
7	02109	Toán cao cấp A2	001	23	25/06/08	HD202	12g15	90	
8	02110	Toán cao cấp A3	001	23	27/06/08	RD101	12g15	90	
9	13610	Anh văn 2K	001	23	29/06/08	RD101	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07CD

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02603	Dân số học	001	68	08/06/08	TV101	09g30	90	
2	00102	Kinh tế chính trị	001	34	10/06/08	PV333	12g15	90	
3	00102	Kinh tế chính trị	002	34	10/06/08	PV335	12g15	90	
4	07114	Vẽ kỹ thuật cơ bản	001	68	12/06/08	PV327	14g45	90	
5	02204	Vật lý đại cương A2	001	68	14/06/08	TV101	12g15	90	
6	07110	Hình học họa hình	001	34	16/06/08	HD204	09g30	90	
7	07110	Hình học họa hình	002	34	16/06/08	HD205	09g30	90	
8	07156	Cơ lý thuyết	001	68	18/06/08	TV302	09g30	90	
9	02109	Toán cao cấp A2	001	68	25/06/08	C200	12g15	90	
10	02110	Toán cao cấp A3	001	30	27/06/08	RD102	12g15	90	
11	02110	Toán cao cấp A3	002	38	27/06/08	RD103	12g15	90	
12	13610	Anh văn 2K	001	32	29/06/08	PV335	07g00	90	
13	13610	Anh văn 2K	002	36	29/06/08	PV337	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07CH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	35	14/06/08	RD106	09g30	90	
2	00109	Triết học Mác Lê Nin	002	87	14/06/08	RD200	09g30	90	
3	02413	Sinh học động vật	001	40	18/06/08	PV217	07g00	90	
4	02413	Sinh học động vật	002	36	18/06/08	PV223	07g00	90	
5	02413	Sinh học động vật	003	45	18/06/08	PV225	07g00	90	
6	02113	Toán cao cấp B2	001	122	27/06/08	TV201	07g00	90	
7	13610	Anh văn 2K	001	64	29/06/08	PV400	07g00	90	
8	13610	Anh văn 2K	002	25	29/06/08	RD102	07g00	90	
9	13610	Anh văn 2K	003	32	29/06/08	RD103	07g00	90	
10	02303	Hóa đại cương B2	001	41	01/07/08	PV217	09g30	90	
11	02303	Hóa đại cương B2	002	36	01/07/08	PV223	09g30	90	
12	02303	Hóa đại cương B2	003	45	01/07/08	PV225	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07CK

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02603	Dân số học	001	27	08/06/08	HD203	09g30	90	
2	00102	Kinh tế chính trị	001	27	10/06/08	HD204	12g15	90	
3	07114	Vẽ kỹ thuật cơ bản	001	27	12/06/08	RD102	14g45	90	
4	02204	Vật lý đại cương A2	001	27	14/06/08	HD204	12g15	90	
5	07110	Hình học họa hình	001	27	16/06/08	HD305	09g30	90	
6	07107	Cơ học lý thuyết I	001	27	18/06/08	HD305	09g30	90	
7	02109	Toán cao cấp A2	001	27	25/06/08	HD203	12g15	90	
8	02110	Toán cao cấp A3	001	27	27/06/08	RD104	12g15	90	
9	13610	Anh văn 2K	001	27	29/06/08	RD104	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07CN

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02603	Dân số học	001	53	08/06/08	TV102	09g30	90	
2	02603	Dân số học	002	73	08/06/08	TV103	09g30	90	
3	02206	Vật lý đại cương B2	001	30	10/06/08	PV315	07g00	90	
4	02206	Vật lý đại cương B2	002	28	10/06/08	PV319	07g00	90	
5	02206	Vật lý đại cương B2	003	69	10/06/08	PV327	07g00	90	
6	02414	Sinh học thực vật	001	64	16/06/08	TV101	07g00	90	
7	02414	Sinh học thực vật	002	63	16/06/08	TV102	07g00	90	
8	02413	Sinh học động vật	001	63	18/06/08	TV101	07g00	90	
9	02413	Sinh học động vật	002	63	18/06/08	TV102	07g00	90	
10	02113	Toán cao cấp B2	001	36	27/06/08	RD106	09g30	90	
11	02113	Toán cao cấp B2	002	91	27/06/08	RD200	09g30	90	
12	13610	Anh văn 2K	001	36	29/06/08	RD106	09g30	90	
13	13610	Anh văn 2K	002	91	29/06/08	RD200	09g30	90	
14	02303	Hóa đại cương B2	001	35	01/07/08	RD105	07g00	90	
15	02303	Hóa đại cương B2	002	28	01/07/08	RD201	07g00	90	
16	02303	Hóa đại cương B2	003	28	01/07/08	RD202	07g00	90	
17	02303	Hóa đại cương B2	004	36	01/07/08	RD203	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07CT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02206	Vật lý đại cương B2	001	48	10/06/08	TV101	07g00	90	
2	02206	Vật lý đại cương B2	002	48	10/06/08	TV102	07g00	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	29	14/06/08	PV219	07g00	90	
4	00109	Triết học Mác Lê Nin	002	34	14/06/08	PV227	07g00	90	
5	00109	Triết học Mác Lê Nin	003	33	14/06/08	PV315	07g00	90	
6	02414	Sinh học thực vật	001	96	16/06/08	TV201	07g00	90	
7	02113	Toán cao cấp B2	001	38	27/06/08	PV217	07g00	90	
8	02113	Toán cao cấp B2	002	25	27/06/08	PV219	07g00	90	
9	02113	Toán cao cấp B2	003	33	27/06/08	PV223	07g00	90	
10	13610	Anh văn 2K	001	62	29/06/08	C200	09g30	90	
11	13610	Anh văn 2K	002	34	29/06/08	HD201	09g30	90	
12	02303	Hóa đại cương B2	001	48	01/07/08	TV101	07g00	90	
13	02303	Hóa đại cương B2	002	48	01/07/08	TV102	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07DC

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02603	Dân số học	001	75	08/06/08	TV202	09g30	90	
2	00102	Kinh tế chính trị	001	75	10/06/08	HD301	12g15	90	
3	02208	Vật lý QLĐĐ	001	75	12/06/08	PV400	07g00	90	
4	02625	Địa lý tự nhiên	001	38	14/06/08	HD202	07g00	90	
5	02625	Địa lý tự nhiên	002	37	14/06/08	HD203	07g00	90	
6	02117	Xác suất thống kê A	001	23	21/06/08	RD101	07g00	90	
7	02117	Xác suất thống kê A	002	23	21/06/08	RD102	07g00	90	
8	02117	Xác suất thống kê A	003	29	21/06/08	RD103	07g00	90	
9	02115	Toán cao cấp C2	001	38	25/06/08	TV101	07g00	90	
10	02115	Toán cao cấp C2	002	37	25/06/08	TV102	07g00	90	
11	13610	Anh văn 2K	001	38	29/06/08	HD202	09g30	90	
12	13610	Anh văn 2K	002	37	29/06/08	HD203	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07DD

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00305	Pháp văn 2-M	001	36	12/06/08	PV335	07g00	90	
2	00305	Pháp văn 2-M	002	41	12/06/08	PV337	07g00	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	30	14/06/08	RD105	09g30	90	
4	00109	Triết học Mác Lê Nin	002	24	14/06/08	RD201	09g30	90	
5	00109	Triết học Mác Lê Nin	003	23	14/06/08	RD202	09g30	90	
6	02414	Sinh học thực vật	001	43	16/06/08	PV217	07g00	90	
7	02414	Sinh học thực vật	002	34	16/06/08	PV227	07g00	90	
8	02413	Sinh học động vật	001	77	18/06/08	TV103	07g00	90	
9	02113	Toán cao cấp B2	001	77	27/06/08	TV103	07g00	90	
10	13610	Anh văn 2K	001	23	29/06/08	HD205	09g30	90	
11	13610	Anh văn 2K	002	54	29/06/08	HD301	09g30	90	
12	02303	Hóa đại cương B2	001	24	01/07/08	PV219	09g30	90	
13	02303	Hóa đại cương B2	002	28	01/07/08	PV227	09g30	90	
14	02303	Hóa đại cương B2	003	25	01/07/08	PV315	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07DL

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02308	Hoá đại cương A2	001	33	12/06/08	PV223	12g15	90	
2	02308	Hoá đại cương A2	002	41	12/06/08	PV225	12g15	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	74	14/06/08	TV103	09g30	90	
4	02414	Sinh học thực vật	001	74	16/06/08	TV103	07g00	90	
5	02413	Sinh học động vật	001	74	18/06/08	TV202	07g00	90	
6	02113	Toán cao cấp B2	001	44	27/06/08	PV225	07g00	90	
7	02113	Toán cao cấp B2	002	30	27/06/08	PV227	07g00	90	
8	13610	Anh văn 2K	001	74	29/06/08	HD303	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07DT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	14341	Lập trình A1	001	45	08/06/08	PV333	07g00	90	
2	14341	Lập trình A1	002	45	08/06/08	PV335	07g00	90	
3	14341	Lập trình A1	003	50	08/06/08	PV337	07g00	90	
4	00102	Kinh tế chính trị	001	72	10/06/08	HD303	12g15	90	
5	00102	Kinh tế chính trị	002	32	10/06/08	HD305	12g15	90	
6	00102	Kinh tế chính trị	003	36	10/06/08	RD305	12g15	90	
7	02204	Vật lý đại cương A2	001	59	14/06/08	TV102	12g15	90	
8	02204	Vật lý đại cương A2	002	81	14/06/08	TV103	12g15	90	
9	02109	Toán cao cấp A2	001	33	25/06/08	HD204	12g15	90	
10	02109	Toán cao cấp A2	002	33	25/06/08	HD205	12g15	90	
11	02109	Toán cao cấp A2	003	74	25/06/08	HD301	12g15	90	
12	02110	Toán cao cấp A3	001	40	27/06/08	RD106	12g15	90	
13	02110	Toán cao cấp A3	002	100	27/06/08	RD200	12g15	90	
14	13610	Anh văn 2K	001	39	29/06/08	RD105	09g30	90	
15	13610	Anh văn 2K	002	31	29/06/08	RD201	09g30	90	
16	13610	Anh văn 2K	003	31	29/06/08	RD202	09g30	90	
17	13610	Anh văn 2K	004	38	29/06/08	RD203	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07DY

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02206	Vật lý đại cương B2	001	21	10/06/08	PV227	07g00	90	
2	02206	Vật lý đại cương B2	002	27	10/06/08	PV333	07g00	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	48	14/06/08	PV323	07g00	90	
4	02414	Sinh học thực vật	001	25	16/06/08	PV315	07g00	90	
5	02414	Sinh học thực vật	002	23	16/06/08	PV319	07g00	90	
6	02113	Toán cao cấp B2	001	48	27/06/08	TV302	07g00	90	
7	02303	Hóa đại cương B2	001	48	01/07/08	TV302	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07GB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02203	Vật lý đại cương A1	001	30	08/06/08	PV315	07g00	90	
2	00102	Kinh tế chính trị	001	30	10/06/08	RD401	12g15	90	
3	02308	Hoá đại cương A2	001	30	12/06/08	PV219	12g15	90	
4	02204	Vật lý đại cương A2	001	30	14/06/08	HD205	12g15	90	
5	02109	Toán cao cấp A2	001	30	25/06/08	HD305	12g15	90	
6	13610	Anh văn 2K	001	30	29/06/08	HD204	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07GI

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	18101	GIS đại cương	001	22	08/06/08	RD101	07g00	90	
2	00102	Kinh tế chính trị	001	22	10/06/08	RD402	12g15	90	
3	02204	Vật lý đại cương A2	001	22	14/06/08	HD305	12g15	90	
4	02109	Toán cao cấp A2	001	22	25/06/08	PV219	12g15	90	
5	02110	Toán cao cấp A3	001	22	27/06/08	RD105	12g15	90	
6	13610	Anh văn 2K	001	22	29/06/08	HD305	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07HH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02603	Dân số học	001	58	08/06/08	TV301	09g30	90	
2	00102	Kinh tế chính trị	001	29	10/06/08	RD403	12g15	90	
3	00102	Kinh tế chính trị	002	29	10/06/08	RD404	12g15	90	
4	02204	Vật lý đại cương A2	001	58	14/06/08	TV301	12g15	90	
5	02109	Toán cao cấp A2	001	58	25/06/08	HD303	12g15	90	
6	13610	Anh văn 2K	001	35	29/06/08	PV217	09g30	90	
7	13610	Anh văn 2K	002	23	29/06/08	PV219	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07KEA

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00111	Kinh tế chính trị 1	001	30	10/06/08	RD101	14g45	90	
2	00111	Kinh tế chính trị 1	002	30	10/06/08	RD102	14g45	90	
3	00111	Kinh tế chính trị 1	003	38	10/06/08	RD103	14g45	90	
4	00111	Kinh tế chính trị 1	004	37	10/06/08	RD104	14g45	90	
5	08109	Kinh tế vi mô 1	001	33	12/06/08	HD204	07g00	90	
6	08109	Kinh tế vi mô 1	002	33	12/06/08	HD305	07g00	90	
7	08109	Kinh tế vi mô 1	003	42	12/06/08	PV217	07g00	90	
8	08109	Kinh tế vi mô 1	004	27	12/06/08	PV219	07g00	90	
9	02117	Xác suất thống kê A	001	45	21/06/08	PV217	09g30	90	
10	02117	Xác suất thống kê A	002	40	21/06/08	PV223	09g30	90	
11	02117	Xác suất thống kê A	003	50	21/06/08	PV225	09g30	90	
12	02115	Toán cao cấp C2	001	30	25/06/08	RD201	07g00	90	
13	02115	Toán cao cấp C2	002	30	25/06/08	RD202	07g00	90	
14	02115	Toán cao cấp C2	003	38	25/06/08	RD203	07g00	90	
15	02115	Toán cao cấp C2	004	37	25/06/08	RD204	07g00	90	
16	13610	Anh văn 2K	001	34	29/06/08	PV223	09g30	90	
17	13610	Anh văn 2K	002	43	29/06/08	PV225	09g30	90	
18	13610	Anh văn 2K	003	30	29/06/08	PV227	09g30	90	
19	13610	Anh văn 2K	004	28	29/06/08	PV315	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 tháng 06 năm 2008
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07KEB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00111	Kinh tế chính trị 1	001	36	10/06/08	RD106	14g45	90	
2	00111	Kinh tế chính trị 1	002	91	10/06/08	RD200	14g45	90	
3	08109	Kinh tế vi mô 1	001	32	12/06/08	PV223	07g00	90	
4	08109	Kinh tế vi mô 1	002	40	12/06/08	PV225	07g00	90	
5	08109	Kinh tế vi mô 1	003	28	12/06/08	PV227	07g00	90	
6	08109	Kinh tế vi mô 1	004	27	12/06/08	PV315	07g00	90	
7	02117	Xác suất thống kê A	001	28	21/06/08	RD105	07g00	90	
8	02117	Xác suất thống kê A	002	28	21/06/08	RD106	07g00	90	
9	02117	Xác suất thống kê A	003	71	21/06/08	RD200	07g00	90	
10	02115	Toán cao cấp C2	001	55	25/06/08	TV103	07g00	90	
11	02115	Toán cao cấp C2	002	72	25/06/08	TV201	07g00	90	
12	13610	Anh văn 2K	001	56	29/06/08	PV323	09g30	90	
13	13610	Anh văn 2K	002	71	29/06/08	PV327	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07KM

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00111	Kinh tế chính trị 1	001	92	10/06/08	TV201	14g45	90	
2	08109	Kinh tế vi mô 1	001	26	12/06/08	PV319	09g30	90	
3	08109	Kinh tế vi mô 1	002	66	12/06/08	PV327	09g30	90	
4	02622	Pháp luật đại cương	001	41	16/06/08	PV323	09g30	90	
5	02622	Pháp luật đại cương	002	51	16/06/08	PV327	09g30	90	
6	02117	Xác suất thống kê A	001	28	21/06/08	PV219	09g30	90	
7	02117	Xác suất thống kê A	002	33	21/06/08	PV227	09g30	90	
8	02117	Xác suất thống kê A	003	31	21/06/08	PV315	09g30	90	
9	02115	Toán cao cấp C2	001	36	25/06/08	PV217	09g30	90	
10	02115	Toán cao cấp C2	002	24	25/06/08	PV219	09g30	90	
11	02115	Toán cao cấp C2	003	32	25/06/08	PV223	09g30	90	
12	13610	Anh văn 2K	001	23	29/06/08	PV319	12g15	90	
13	13610	Anh văn 2K	002	35	29/06/08	PV333	12g15	90	
14	13610	Anh văn 2K	003	34	29/06/08	PV335	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07KN

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00111	Kinh tế chính trị 1	001	10	10/06/08	HD201	14g45	90	
2	08109	Kinh tế vi mô 1	001	10	12/06/08	RD101	09g30	90	
3	02117	Xác suất thống kê A	001	10	21/06/08	PV319	09g30	90	
4	02115	Toán cao cấp C2	001	10	25/06/08	PV227	09g30	90	
5	13610	Anh văn 2K	001	10	29/06/08	RD101	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07KT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00111	Kinh tế chính trị 1	001	78	10/06/08	TV202	14g45	90	
2	08109	Kinh tế vi mô 1	001	39	12/06/08	PV333	09g30	90	
3	08109	Kinh tế vi mô 1	002	39	12/06/08	PV335	09g30	90	
4	02117	Xác suất thống kê A	001	30	21/06/08	RD104	07g00	90	
5	02117	Xác suất thống kê A	002	24	21/06/08	RD201	07g00	90	
6	02117	Xác suất thống kê A	003	24	21/06/08	RD202	07g00	90	
7	02115	Toán cao cấp C2	001	78	25/06/08	TV202	07g00	90	
8	13610	Anh văn 2K	001	78	29/06/08	PV400	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07LN

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02206	Vật lý đại cương B2	001	61	10/06/08	TV301	07g00	90	
2	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	61	14/06/08	PV327	07g00	90	
3	02413	Sinh học động vật	001	28	18/06/08	PV219	07g00	90	
4	02413	Sinh học động vật	002	33	18/06/08	PV227	07g00	90	
5	02113	Toán cao cấp B2	001	32	27/06/08	PV315	07g00	90	
6	02113	Toán cao cấp B2	002	29	27/06/08	PV319	07g00	90	
7	13610	Anh văn 2K	001	37	29/06/08	PV337	12g15	90	
8	13610	Anh văn 2K	002	24	29/06/08	RD102	12g15	90	
9	02303	Hóa đại cương B2	001	61	01/07/08	TV301	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07MT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02308	Hoá đại cương A2	001	30	12/06/08	PV227	12g15	90	
2	02308	Hoá đại cương A2	002	28	12/06/08	PV315	12g15	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	23	14/06/08	PV319	07g00	90	
4	00109	Triết học Mác Lê Nin	002	34	14/06/08	PV333	07g00	90	
5	02414	Sinh học thực vật	001	58	16/06/08	PV323	07g00	90	
6	02413	Sinh học động vật	001	30	18/06/08	PV315	07g00	90	
7	02413	Sinh học động vật	002	28	18/06/08	PV319	07g00	90	
8	02113	Toán cao cấp B2	001	58	27/06/08	PV323	07g00	90	
9	13610	Anh văn 2K	001	29	29/06/08	RD103	12g15	90	
10	13610	Anh văn 2K	002	29	29/06/08	RD104	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07NH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02306	Hóa phân tích	001	39	12/06/08	PV335	12g15	90	
2	02306	Hóa phân tích	002	43	12/06/08	PV337	12g15	90	
3	02306	Hóa phân tích	003	69	12/06/08	PV400	12g15	90	
4	02416	Thực vật học & phân loại TVật	001	65	16/06/08	TV103	09g30	90	
5	02416	Thực vật học & phân loại TVật	002	86	16/06/08	TV201	09g30	90	
6	02624	Kinh tế học cơ bản	001	76	18/06/08	HD301	09g30	90	
7	02624	Kinh tế học cơ bản	002	75	18/06/08	HD303	09g30	90	
8	02121	Xác suất thống kê	001	76	21/06/08	HD301	09g30	90	
9	02121	Xác suất thống kê	002	75	21/06/08	HD303	09g30	90	
10	04311	Phương pháp tiếp cận khoa học	001	76	23/06/08	HD301	07g00	90	
11	04311	Phương pháp tiếp cận khoa học	002	75	23/06/08	HD303	07g00	90	
12	04611	Phương pháp thí nghiệm 1	001	76	25/06/08	HD301	14g45	90	
13	04611	Phương pháp thí nghiệm 1	002	75	25/06/08	HD303	14g45	90	
14	13608	Ngoại ngữ 2-M	001	38	27/06/08	HD201	12g15	90	
15	13608	Ngoại ngữ 2-M	002	79	27/06/08	HD303	12g15	90	
16	13608	Ngoại ngữ 2-M	003	34	27/06/08	HD305	12g15	90	
17	04606	Khí tượng đại cương	001	57	30/06/08	TV301	14g45	90	
18	04606	Khí tượng đại cương	002	65	30/06/08	TV302	14g45	90	
19	04606	Khí tượng đại cương	003	29	30/06/08	TV303	14g45	90	
20	04304	Khoa học đất cơ bản M	001	67	02/07/08	HD303	09g30	90	
21	04304	Khoa học đất cơ bản M	002	30	02/07/08	HD305	09g30	90	
22	04304	Khoa học đất cơ bản M	003	27	02/07/08	RD101	09g30	90	
23	04304	Khoa học đất cơ bản M	004	27	02/07/08	RD102	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07NK

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02206	Vật lý đại cương B2	001	25	10/06/08	PV335	07g00	90	
2	02206	Vật lý đại cương B2	002	27	10/06/08	PV337	07g00	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	52	14/06/08	TV302	09g30	90	
4	02413	Sinh học động vật	001	52	18/06/08	PV323	07g00	90	
5	02113	Toán cao cấp B2	001	26	27/06/08	HD202	07g00	90	
6	02113	Toán cao cấp B2	002	26	27/06/08	HD203	07g00	90	
7	13610	Anh văn 2K	001	26	29/06/08	RD105	12g15	90	
8	13610	Anh văn 2K	002	26	29/06/08	RD106	12g15	90	
9	02303	Hóa đại cương B2	001	52	01/07/08	PV327	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07NL

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02603	Dân số học	001	22	08/06/08	HD204	09g30	90	
2	02603	Dân số học	002	22	08/06/08	HD205	09g30	90	
3	00102	Kinh tế chính trị	001	44	10/06/08	PV337	12g15	90	
4	07114	Vẽ kỹ thuật cơ bản	001	44	12/06/08	PV335	14g45	90	
5	02204	Vật lý đại cương A2	001	22	14/06/08	RD105	12g15	90	
6	02204	Vật lý đại cương A2	002	22	14/06/08	RD106	12g15	90	
7	07110	Hình học họa hình	001	22	16/06/08	RD101	09g30	90	
8	07110	Hình học họa hình	002	22	16/06/08	RD102	09g30	90	
9	07107	Cơ học lý thuyết I	001	44	18/06/08	PV217	09g30	90	
10	02109	Toán cao cấp A2	001	44	25/06/08	PV217	12g15	90	
11	13610	Anh văn 2K	001	22	29/06/08	RD201	12g15	90	
12	13610	Anh văn 2K	002	22	29/06/08	RD202	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07NT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02206	Vật lý đại cương B2	001	50	10/06/08	C200	07g00	90	
2	02206	Vật lý đại cương B2	002	58	10/06/08	PV400	07g00	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	42	14/06/08	PV337	07g00	90	
4	00109	Triết học Mác Lê Nin	002	66	14/06/08	PV400	07g00	90	
5	02413	Sinh học động vật	001	108	18/06/08	TV201	07g00	90	
6	02113	Toán cao cấp B2	001	59	27/06/08	TV202	07g00	90	
7	02113	Toán cao cấp B2	002	49	27/06/08	TV301	07g00	90	
8	13610	Anh văn 2K	001	77	29/06/08	RD200	12g15	90	
9	13610	Anh văn 2K	002	31	29/06/08	RD203	12g15	90	
10	02303	Hóa đại cương B2	001	108	01/07/08	TV201	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07NY

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02603	Dân số học	001	58	08/06/08	TV302	09g30	90	
2	02206	Vật lý đại cương B2	001	60	10/06/08	TV302	07g00	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	60	14/06/08	C200	07g00	90	
4	02414	Sinh học thực vật	001	1	16/06/08	HD201	07g00	90	
5	02413	Sinh học động vật	001	58	18/06/08	TV301	07g00	90	
6	02113	Toán cao cấp B2	001	60	27/06/08	PV327	07g00	90	
7	13610	Anh văn 2K	001	1	29/06/08	RD204	12g15	90	
8	13610	Anh văn 2K	001	60	29/06/08	C200	12g15	90	
9	02303	Hóa đại cương B2	001	30	01/07/08	HD202	09g30	90	
10	02303	Hóa đại cương B2	002	30	01/07/08	HD203	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07OT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02204	Vật lý đại cương A2	001	89	14/06/08	TV201	12g15	90	
2	07156	Cơ lý thuyết	001	89	18/06/08	TV303	09g30	90	
3	07128	Hình họa	001	42	23/06/08	PV335	07g00	90	
4	07128	Hình họa	002	47	23/06/08	PV337	07g00	90	
5	02109	Toán cao cấp A2	001	40	25/06/08	PV223	12g15	90	
6	02109	Toán cao cấp A2	002	49	25/06/08	PV225	12g15	90	
7	02110	Toán cao cấp A3	001	27	27/06/08	RD201	12g15	90	
8	02110	Toán cao cấp A3	002	27	27/06/08	RD202	12g15	90	
9	02110	Toán cao cấp A3	003	35	27/06/08	RD203	12g15	90	
10	13610	Anh văn 2K	001	30	29/06/08	HD202	12g15	90	
11	13610	Anh văn 2K	002	30	29/06/08	HD203	12g15	90	
12	13610	Anh văn 2K	003	29	29/06/08	HD204	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07PT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00111	Kinh tế chính trị 1	001	12	10/06/08	HD202	14g45	90	
2	08109	Kinh tế vi mô 1	001	12	12/06/08	RD102	09g30	90	
3	02117	Xác suất thống kê A	001	12	21/06/08	HD201	09g30	90	
4	02115	Toán cao cấp C2	001	12	25/06/08	PV315	09g30	90	
5	13610	Anh văn 2K	001	12	29/06/08	RD204	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07QL

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02603	Dân số học	001	123	08/06/08	TV201	09g30	90	
2	00111	Kinh tế chính trị 1	001	34	10/06/08	RD105	14g45	90	
3	00111	Kinh tế chính trị 1	002	28	10/06/08	RD201	14g45	90	
4	00111	Kinh tế chính trị 1	003	28	10/06/08	RD202	14g45	90	
5	00111	Kinh tế chính trị 1	004	34	10/06/08	RD203	14g45	90	
6	08109	Kinh tế vi mô 1	001	48	12/06/08	PV337	09g30	90	
7	08109	Kinh tế vi mô 1	002	76	12/06/08	PV400	09g30	90	
8	02117	Xác suất thống kê A	001	56	21/06/08	PV327	09g30	90	
9	02117	Xác suất thống kê A	002	34	21/06/08	PV333	09g30	90	
10	02117	Xác suất thống kê A	003	34	21/06/08	PV335	09g30	90	
11	02115	Toán cao cấp C2	001	44	25/06/08	PV225	09g30	90	
12	02115	Toán cao cấp C2	002	27	25/06/08	PV319	09g30	90	
13	02115	Toán cao cấp C2	003	53	25/06/08	PV323	09g30	90	
14	13610	Anh văn 2K	001	62	29/06/08	HD301	12g15	90	
15	13610	Anh văn 2K	002	61	29/06/08	HD303	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07QM

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02308	Hoá đại cương A2	001	55	12/06/08	PV323	12g15	90	
2	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	25	14/06/08	HD201	07g00	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	002	30	14/06/08	PV335	07g00	90	
4	02414	Sinh học thực vật	001	55	16/06/08	PV327	07g00	90	
5	02413	Sinh học động vật	001	55	18/06/08	PV327	07g00	90	
6	02113	Toán cao cấp B2	001	28	27/06/08	PV333	09g30	90	
7	02113	Toán cao cấp B2	002	27	27/06/08	PV335	09g30	90	
8	13610	Anh văn 2K	001	24	29/06/08	HD305	12g15	90	
9	13610	Anh văn 2K	002	31	29/06/08	PV217	12g15	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07QR

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02206	Vật lý đại cương B2	001	97	10/06/08	TV201	07g00	90	
2	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	35	14/06/08	RD203	09g30	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	002	35	14/06/08	RD204	09g30	90	
4	00109	Triết học Mác Lê Nin	003	27	14/06/08	RD301	09g30	90	
5	02413	Sinh học động vật	001	31	18/06/08	PV333	07g00	90	
6	02413	Sinh học động vật	002	31	18/06/08	PV335	07g00	90	
7	02413	Sinh học động vật	003	35	18/06/08	PV337	07g00	90	
8	02113	Toán cao cấp B2	001	37	27/06/08	PV337	09g30	90	
9	02113	Toán cao cấp B2	002	60	27/06/08	PV400	09g30	90	
10	13610	Anh văn 2K	001	24	29/06/08	PV219	14g45	90	
11	13610	Anh văn 2K	002	32	29/06/08	PV223	14g45	90	
12	13610	Anh văn 2K	003	41	29/06/08	PV225	14g45	90	
13	02303	Hóa đại cương B2	001	49	01/07/08	TV103	09g30	90	
14	02303	Hóa đại cương B2	002	48	01/07/08	TV202	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07QT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08131	Địa lý kinh tế-P	001	39	08/06/08	PV217	07g00	90	
2	08131	Địa lý kinh tế-P	002	26	08/06/08	PV219	07g00	90	
3	08131	Địa lý kinh tế-P	003	34	08/06/08	PV223	07g00	90	
4	08131	Địa lý kinh tế-P	004	43	08/06/08	PV225	07g00	90	
5	08131	Địa lý kinh tế-P	005	30	08/06/08	PV227	07g00	90	
6	00111	Kinh tế chính trị 1	001	37	10/06/08	RD204	14g45	90	
7	00111	Kinh tế chính trị 1	002	30	10/06/08	RD301	14g45	90	
8	00111	Kinh tế chính trị 1	003	30	10/06/08	RD302	14g45	90	
9	00111	Kinh tế chính trị 1	004	37	10/06/08	RD303	14g45	90	
10	00111	Kinh tế chính trị 1	005	38	10/06/08	RD304	14g45	90	
11	02117	Xác suất thống kê A	001	37	21/06/08	RD203	07g00	90	
12	02117	Xác suất thống kê A	002	37	21/06/08	RD204	07g00	90	
13	02117	Xác suất thống kê A	003	30	21/06/08	RD301	07g00	90	
14	02117	Xác suất thống kê A	004	30	21/06/08	RD302	07g00	90	
15	02117	Xác suất thống kê A	005	38	21/06/08	RD303	07g00	90	
16	02115	Toán cao cấp C2	001	79	25/06/08	TV301	09g30	90	
17	02115	Toán cao cấp C2	002	93	25/06/08	TV303	09g30	90	
18	13610	Anh văn 2K	001	29	29/06/08	PV315	14g45	90	
19	13610	Anh văn 2K	002	26	29/06/08	PV319	14g45	90	
20	13610	Anh văn 2K	003	52	29/06/08	PV323	14g45	90	
21	13610	Anh văn 2K	004	65	29/06/08	PV327	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07SH

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	27	14/06/08	RD302	09g30	90	
2	00109	Triết học Mác Lê Nin	002	34	14/06/08	RD303	09g30	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	003	33	14/06/08	RD304	09g30	90	
4	02414	Sinh học thực vật	001	94	16/06/08	TV202	07g00	90	
5	02113	Toán cao cấp B2	001	61	27/06/08	C200	09g30	90	
6	02113	Toán cao cấp B2	002	33	27/06/08	HD201	09g30	90	
7	13610	Anh văn 2K	001	26	29/06/08	PV227	14g45	90	
8	13610	Anh văn 2K	002	34	29/06/08	PV333	14g45	90	
9	13610	Anh văn 2K	003	34	29/06/08	PV335	14g45	90	
10	02303	Hóa đại cương B2	001	24	01/07/08	PV319	09g30	90	
11	02303	Hóa đại cương B2	002	35	01/07/08	PV333	09g30	90	
12	02303	Hóa đại cương B2	003	35	01/07/08	PV335	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07SK

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	15311	Tâm lý XH & giao tiếp SP	001	30	08/06/08	PV315	12g15	90	
2	15311	Tâm lý XH & giao tiếp SP	002	41	08/06/08	PV333	12g15	90	
3	15302	Giáo dục học đại cương	001	43	10/06/08	PV217	09g30	90	
4	15302	Giáo dục học đại cương	002	28	10/06/08	PV219	09g30	90	
5	07112	Dụng sai	001	71	12/06/08	TV202	14g45	90	
6	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	71	14/06/08	TV202	09g30	90	
7	07110	Hình học họa hình	001	71	16/06/08	HD301	09g30	90	
8	02109	Toán cao cấp A2	001	25	25/06/08	PV227	12g15	90	
9	02109	Toán cao cấp A2	002	24	25/06/08	PV315	12g15	90	
10	02109	Toán cao cấp A2	003	22	25/06/08	PV319	12g15	90	
11	13610	Anh văn 2K	001	71	29/06/08	PV400	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07SP

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	15311	Tâm lý XH & giao tiếp SP	001	30	08/06/08	PV335	12g15	90	
2	15311	Tâm lý XH & giao tiếp SP	002	34	08/06/08	PV337	12g15	90	
3	15302	Giáo dục học đại cương	001	28	10/06/08	PV223	09g30	90	
4	15302	Giáo dục học đại cương	002	36	10/06/08	PV225	09g30	90	
5	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	64	14/06/08	TV301	09g30	90	
6	02414	Sinh học thực vật	001	64	16/06/08	TV301	07g00	90	
7	02113	Toán cao cấp B2	001	36	27/06/08	RD105	09g30	90	
8	02113	Toán cao cấp B2	002	28	27/06/08	RD201	09g30	90	
9	13610	Anh văn 2K	001	39	29/06/08	PV337	14g45	90	
10	13610	Anh văn 2K	002	25	29/06/08	RD101	14g45	90	
11	02303	Hóa đại cương B2	001	36	01/07/08	RD204	07g00	90	
12	02303	Hóa đại cương B2	002	28	01/07/08	RD301	07g00	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07TB

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	08101	Địa lý kinh tế	001	31	08/06/08	HD201	12g15	90	
2	08101	Địa lý kinh tế	002	31	08/06/08	HD202	12g15	90	
3	08101	Địa lý kinh tế	003	31	08/06/08	HD203	12g15	90	
4	08101	Địa lý kinh tế	004	28	08/06/08	HD204	12g15	90	
5	00111	Kinh tế chính trị 1	001	56	10/06/08	TV101	14g45	90	
6	00111	Kinh tế chính trị 1	002	65	10/06/08	TV301	14g45	90	
7	08109	Kinh tế vi mô 1	001	30	12/06/08	RD103	09g30	90	
8	08109	Kinh tế vi mô 1	002	30	12/06/08	RD104	09g30	90	
9	08109	Kinh tế vi mô 1	003	30	12/06/08	RD105	09g30	90	
10	08109	Kinh tế vi mô 1	004	31	12/06/08	RD106	09g30	90	
11	02117	Xác suất thống kê A	001	47	21/06/08	PV337	09g30	90	
12	02117	Xác suất thống kê A	002	74	21/06/08	PV400	09g30	90	
13	02115	Toán cao cấp C2	001	55	25/06/08	PV327	09g30	90	
14	02115	Toán cao cấp C2	002	33	25/06/08	PV333	09g30	90	
15	02115	Toán cao cấp C2	003	33	25/06/08	PV335	09g30	90	
16	13610	Anh văn 2K	001	25	29/06/08	RD102	14g45	90	
17	13610	Anh văn 2K	002	32	29/06/08	RD103	14g45	90	
18	13610	Anh văn 2K	003	32	29/06/08	RD104	14g45	90	
19	13610	Anh văn 2K	004	32	29/06/08	RD105	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 tháng
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07TD

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02603	Dân số học	001	60	08/06/08	C200	09g30	90	
2	00102	Kinh tế chính trị	001	60	10/06/08	PV400	12g15	90	
3	07114	Vẽ kỹ thuật cơ bản	001	60	12/06/08	PV400	14g45	90	
4	02204	Vật lý đại cương A2	001	60	14/06/08	TV302	12g15	90	
5	07110	Hình học họa hình	001	60	16/06/08	HD303	09g30	90	
6	07107	Cơ học lý thuyết I	001	60	18/06/08	TV101	09g30	90	
7	02109	Toán cao cấp A2	001	60	25/06/08	PV323	12g15	90	
8	13610	Anh văn 2K	001	33	29/06/08	RD106	14g45	90	
9	13610	Anh văn 2K	002	27	29/06/08	RD201	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07TM

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00111	Kinh tế chính trị 1	001	65	10/06/08	TV302	14g45	90	
2	00111	Kinh tế chính trị 1	002	89	10/06/08	TV303	14g45	90	
3	08109	Kinh tế vi mô 1	001	94	12/06/08	RD200	09g30	90	
4	08109	Kinh tế vi mô 1	002	30	12/06/08	RD201	09g30	90	
5	08109	Kinh tế vi mô 1	003	30	12/06/08	RD202	09g30	90	
6	02117	Xác suất thống kê A	001	84	21/06/08	TV202	07g00	90	
7	02117	Xác suất thống kê A	002	70	21/06/08	TV301	07g00	90	
8	02115	Toán cao cấp C2	001	54	25/06/08	C200	09g30	90	
9	02115	Toán cao cấp C2	002	39	25/06/08	PV337	09g30	90	
10	02115	Toán cao cấp C2	003	61	25/06/08	PV400	09g30	90	
11	13610	Anh văn 2K	001	90	29/06/08	RD200	14g45	90	
12	13610	Anh văn 2K	002	29	29/06/08	RD202	14g45	90	
13	13610	Anh văn 2K	003	35	29/06/08	RD203	14g45	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07TY

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	02206	Vật lý đại cương B2	001	67	10/06/08	TV103	07g00	90	
2	02206	Vật lý đại cương B2	002	67	10/06/08	TV202	07g00	90	
3	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	76	14/06/08	TV201	09g30	90	
4	00109	Triết học Mác Lê Nin	002	57	14/06/08	TV303	09g30	90	
5	02414	Sinh học thực vật	001	43	16/06/08	PV333	07g00	90	
6	02414	Sinh học thực vật	002	43	16/06/08	PV335	07g00	90	
7	02414	Sinh học thực vật	003	48	16/06/08	PV337	07g00	90	
8	02113	Toán cao cấp B2	001	30	27/06/08	RD202	09g30	90	
9	02113	Toán cao cấp B2	002	37	27/06/08	RD203	09g30	90	
10	02113	Toán cao cấp B2	003	37	27/06/08	RD204	09g30	90	
11	02113	Toán cao cấp B2	004	30	27/06/08	RD301	09g30	90	
12	13610	Anh văn 2K	001	37	29/06/08	RD204	14g45	90	
13	13610	Anh văn 2K	002	30	29/06/08	RD301	14g45	90	
14	13610	Anh văn 2K	003	30	29/06/08	RD302	14g45	90	
15	13610	Anh văn 2K	004	37	29/06/08	RD303	14g45	90	
16	02303	Hóa đại cương B2	001	63	01/07/08	C200	09g30	90	
17	02303	Hóa đại cương B2	002	71	01/07/08	PV400	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t



Lịch Thi Học Kỳ Theo Lớp
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Lớp: DH07VT

STT	Mã MH	Tên môn học	Tổ	Số SV	Ngày thi	Phòng	Giờ thi	TG Thi (phút)	Ghi Chú
1	00109	Triết học Mác Lê Nin	001	20	14/06/08	RD305	09g30	90	
2	02414	Sinh học thực vật	001	20	16/06/08	HD202	07g00	90	
3	02413	Sinh học động vật	001	20	18/06/08	HD201	07g00	90	
4	02113	Toán cao cấp B2	001	20	27/06/08	RD302	09g30	90	
5	13610	Anh văn 2K	001	20	29/06/08	RD301	12g15	90	
6	02303	Hóa đại cương B2	001	20	01/07/08	HD201	09g30	90	

(Ghi Chú : Môn Có Dấu * Là Môn Tách Ra Từ Một Nhóm Môn Học)

TP.HCM, Ngày 02 thán
Người lập t